



**TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ TÀI ĐĂNG KÝ HƯỚNG DẪN
SINH VIÊN NĂM CUỐI LÀM KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2017 - 2018**

Đối tượng: Bác sĩ đa khoa

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Mục tiêu	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Dự kiến TG hoàn thành	Đơn vị	Ghi chú
1	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố tiên lượng quá liều thuốc kháng vitamin K ở bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp <i>TS. Vũ Mạnh Tân</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh nhân bị quá liều thuốc kháng vitamin K điều trị nội trú tại BV Hữu nghị Việt Tiệp từ 1/12/2017 2. Khảo sát một số yếu tố tiên lượng quá liều thuốc kháng vitamin K ở nhóm bệnh nhân nghiên cứu	- Đối tượng NC: gồm 2 nhóm Nhóm bệnh: BN quá liều thuốc kháng vitamin K điều trị nội trú tại Khoa Tim mạch, BV Hữu nghị Việt Tiệp từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2017 Nhóm chứng: ít nhất 30 BN dùng thuốc kháng vitamin K đạt liều điều trị trong cùng thời gian điều trị và có tuổi, giới tương đồng với nhóm bệnh - Phương pháp NC: tiền cứu, mô tả chùm ca bệnh-đối chứng	- Đặc điểm LS, CLS của các đối tượng nghiên cứu: tuổi, giới, triệu chứng xuất huyết, triệu chứng suy tim, các xét nghiệm đánh giá chức năng thận (creatinin, điện giải), xét nghiệm đánh giá chức năng gan (albumin huyết thanh, protein huyết thanh, GOT, GPT), chức năng đông máu (PT%, INR, số lượng tiểu cầu), siêu âm tim (đánh giá các buồng tim, van tim, chức năng tim), liều lượng thuốc kháng vitamin K trung bình... - Khảo sát các yếu tố tiên lượng nguy cơ quá liều thuốc kháng vitamin K	5/2018	BM Nội	Tiếng Việt
2	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nhân ung thư phổi điều trị tại khoa Nội 2 - Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2017-2018 <i>ThS. Lê Thị Diệu Hiền</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng BN ung thư phổi điều trị tại khoa Nội 2- Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2017-2018 2. Mô tả đặc điểm cận lâm sàng BN ung thư phổi điều trị tại khoa Nội 2- Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2017-2018	- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán ung thư phổi - Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang tiền cứu	- Đặc điểm LS: ho, đau ngực, ho máu, khó thở... - Đặc điểm CLS: x-quang ngực, nội soi, tế bào học, sinh hóa, công thức máu...	5/2018	BM Nội	Tiếng Việt

3	<p>Đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm và hình ảnh nội soi bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa do loét dạ dày tá tràng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p><i>ThS. Vũ Thị Thu Trang</i> <i>ThS. Đặng Chiêu Dương</i></p>	<p>Nhận xét đặc điểm lâm sàng, một số xét nghiệm và mô tả hình ảnh nội soi dạ dày tá tràng ở bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa do loét dạ dày tá tràng tại BV Hữu Nghị Việt Tiệp</p>	<p>- Đối tượng NC: BN xuất huyết tiêu hóa do loét dạ dày tá tràng</p> <p>- Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang</p>	<p>- Đặc điểm LS tuổi, giới, triệu chứng lâm sàng của xuất huyết tiêu hóa cao và loét dạ dày tá tràng</p> <p>- Xét nghiệm huyết học và sinh hóa máu</p> <p>- Hình ảnh nội soi dạ dày tá tràng</p>	6/2018	BM Nội	Tiếng Việt
4	<p>Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng đài tháo đường trên bệnh nhân xơ gan tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p><i>ThS. Vũ Thị Thu Trang</i> <i>ThS. Đặng Chiêu Dương</i></p>	<p>Nhận xét đặc điểm lâm sàng, một số xét nghiệm ở bệnh nhân xơ gan có đài tháo đường</p>	<p>- Đối tượng NC: BN xơ gan điều trị tại BV Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p>- Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang</p>	<p>- Đặc điểm LS tuổi, giới, triệu chứng LS của đài tháo đường và xơ gan</p> <p>- Xét nghiệm huyết học và sinh hóa máu</p> <p>- Mối liên quan giữa LS và xét nghiệm</p>	6/2018	BM Nội	Tiếng Việt
5	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng trên bệnh nhân basedow tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p><i>ThS. Kê Thị Lan Anh</i> <i>ThS. Nguyễn Thị Thùy Ngân</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng trên bệnh nhân basedow tại BV Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p>2. Nghiên cứu mối liên quan giữa TRAb và một số đặc điểm LS, CLS trên các đối tượng nghiên cứu</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán basedow nằm điều trị tại khoa Nội 3 BV Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p>- Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang</p>	<p>- Mô tả đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng trên bệnh nhân basedow tại BV Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p>- Nghiên cứu mối liên quan giữa TRAb và một số đặc điểm LS, CLS trên các đối tượng nghiên cứu</p>	5/2018	BM Nội	Tiếng Việt
6	<p>Nghiên cứu các yếu tố nguy cơ và kết quả điều trị trên bệnh nhân suy thận cấp tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p><i>ThS. Kê Thị Lan Anh</i></p>	<p>1. Mô tả các yếu tố nguy cơ, đặc điểm LS và CLS trên bệnh nhân suy thận cấp tại khoa Nội 3 BV Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p>2. Nhận xét kết quả điều trị các đối tượng nghiên cứu trên</p>	<p>- Đối tượng NC: BN được chẩn đoán suy thận cấp nằm điều trị tại Khoa Nội 3 BV Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p>- Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang</p>	<p>- Mô tả các yếu tố nguy cơ, đặc điểm LS và CLS trên bệnh nhân suy thận cấp tại khoa nội 3 BV Hữu nghị Việt Tiệp</p> <p>- Nhận xét kết quả điều trị các đối tượng NC trên</p>	5/2018	BM Nội	Tiếng Việt

7	Mô tả đặc điểm lâm sàng, đánh giá kết quả điều trị vết thương đứt gân gấp bàn tay tại Bệnh viện Việt Tiệp từ tháng 12/2015 đến 12/2017 <i>TS. Đinh Thế Hùng</i> <i>BSNT. Nguyễn Đức Tiến</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng vết thương đứt gân gấp bàn tay tại bệnh viện Việt Tiệp từ tháng 12/2015 đến 12/2017 2. Đánh giá kết quả điều trị vết thương đứt gân gấp bàn tay tại BV Việt Tiệp Hải Phòng từ tháng 12/2015 đến 12/2017	- Đối tượng NC: Bệnh nhân bị đứt gân gấp bàn tay tại BV Việt Tiệp từ tháng 12/2015 đến 12/2017 - Phương pháp NC: Mô tả hồi cứu	- Mô tả đặc điểm LS vết thương đứt gân gấp bàn tay tại BV Việt Tiệp từ tháng 12/2015 đến 12/2017 - Đánh giá kết quả điều trị vết thương đứt gân gấp bàn tay tại BV Việt Tiệp từ tháng 12/2015 đến 12/2017	3/2018	BM Ngoại	Tiếng Việt
8	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật sỏi thận và các tác dụng không mong muốn của morphin tĩnh mạch theo phương pháp bệnh nhân tự kiểm soát <i>ThS. Phạm Xuân Hùng</i>	1. Đánh giá hiệu quả giảm đau của morphin tĩnh mạch theo phương pháp bệnh nhân tự kiểm soát sau mổ sỏi thận 2. Đánh giá các tác dụng không mong muốn của morphin tĩnh mạch theo phương pháp bệnh nhân tự kiểm soát sau mổ sỏi thận	- Đối tượng NC: BN mổ sỏi thận - Phương pháp NC: thử nghiệm LS tiến cứu - Nơi triển khai: Khoa gây mê hồi tỉnh BV Việt Tiệp Hải Phòng	- Hiệu quả giảm đau của morphin tĩnh mạch theo phương pháp bệnh nhân tự kiểm soát sau mổ sỏi thận - Các tác dụng không mong muốn của morphin tĩnh mạch theo phương pháp bệnh nhân tự kiểm soát sau mổ sỏi thận	6/2018	BM Ngoại	Tiếng Việt
9	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, đánh giá kết quả điều trị loét tỳ đè vùng cụt tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp từ tháng 6/2015 đến 6/2017 <i>TS. Phạm Văn Trung</i> <i>BSNT. Nguyễn Đức Tiến</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng loét tỳ đè vùng cụt 2. Đánh giá kết quả điều trị loét tỳ đè vùng cụt	- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán loét tỳ đè vùng cụt - Phương pháp NC: Mô tả hồi cứu	- Đặc điểm LS loét tỳ đè vùng cụt - Đánh giá kết quả điều trị loét tỳ đè vùng cụt	6/2018	BM Ngoại	Tiếng Việt
10	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan và thái độ xử trí thai từ 4000gr trở lên tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017 <i>ThS. Nguyễn Thị Hoàng Trang</i>	1. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến thai từ 4000gr trở lên đến đẻ tại BV Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017 2. Nghiên cứu thái độ xử trí, các biến chứng cho mẹ và sơ sinh của các trường hợp đẻ thai từ 4000gr trở lên	- Đối tượng NC: Các sản phụ đẻ tại BV Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017 có cân nặng sơ sinh sau đẻ từ 4000gr trở lên - Thời gian NC: Từ 1/1/2017 đến 31/12/2017 - Phương pháp NC: Nghiên cứu hồi cứu mô tả	Các biến số NC: - Nhóm biến số về các đặc điểm chung của đối tượng NC - Nhóm biến số về các yếu tố liên quan - Nhóm biến số về thái độ xử trí, các biến chứng cho mẹ và sơ sinh của các trường hợp đẻ thai từ 4000gr trở lên	5/2018	BM Sản	Tiếng Việt

11	<p>Nghiên cứu kết quả điều trị rong kinh, rong huyết cơ năng của phụ nữ trên 40 tuổi đến khám tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng</p> <p><i>ThS. Nguyễn Thị Hoàng Trang</i> <i>ThS. Bùi Văn Hiếu</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân rong kinh, rong huyết cơ năng trên 40 tuổi đến khám ở BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>2. Nhận xét kết quả điều trị rong kinh rong huyết cơ năng của phụ nữ trên 40 tuổi</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân rong kinh, rong huyết cơ năng trên 40 tuổi đến khám ở BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Thời gian NC: Từ 1/11/2017 đến 31/4/2017</p> <p>- Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang</p>	<p>Các biến số nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm biến số về các đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về các đặc điểm LS của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về các đặc điểm CLS của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về kết quả điều trị 	5/2018	BM Sản	Tiếng Việt
12	<p>Nghiên cứu kết cục thai kỳ ở những trường hợp nước ối lẫn phân su vào đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2017</p> <p><i>TS. Ngô Thị Uyên</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và biện pháp xử trí các trường hợp nước ối lẫn phân su tại BV Phụ sản Hải Phòng năm 2017</p> <p>2. Mô tả tình trạng trẻ sau sinh của những trường hợp nước ối lẫn phân su trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Hồ sơ bệnh án của tất cả các trường hợp nước ối lẫn phân su được lưu trữ tại BV Phụ sản Hải Phòng năm 2017</p> <p>- Nơi triển khai: BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Phương pháp NC: mô tả chòm ca bệnh</p>	<p>- Các trường hợp trong hồ sơ bệnh án được ghi là nước ối lẫn phân su được chọn vào nghiên cứu</p> <p>- Các đặc điểm như tuổi thai, tình trạng bệnh lý của mẹ, của thai, tính chất nước ối (xanh loãng, xanh đặc), chỉ số nước ối, tình trạng vỡ ối hoặc rỉ ối sẽ được ghi nhận và phân tích</p> <p>- Tình trạng con lúc sinh: tình trạng hô hấp, cân nặng, tuổi thai, nhiễm khuẩn sau sinh, đặc biệt hội chứng hít phân su sẽ được đánh giá và phân tích trong mối tương quan với các triệu chứng LS và CLS</p>	từ 1/2018 đến 6/2018	BM Sản	Tiếng Việt

13	<p>Nghiên cứu cách thức kết thúc chuyển dạ đẻ con so đủ tháng tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2017</p> <p><i>PGS.TS. Nguyễn Văn Học</i> <i>ThS. Nguyễn Thị Mai Phương</i></p>	<p>1. Xác định tỷ lệ các cách thức kết thúc chuyển dạ đẻ con so đủ tháng tại BV Phụ sản Hải Phòng từ 1/7 đến 31/12/2017</p> <p>2. Đánh giá kết quả cuộc chuyển dạ về phía mẹ và con ở các đối tượng nói trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Tất cả các sản phụ và hồ sơ bệnh án của những sản phụ đẻ con so tại BV Phụ sản Hải Phòng từ 1/7 đến 31/12/2017</p> <p>- Thiết kế NC: mô tả cắt ngang</p> <p>- Cỡ mẫu NC: mẫu thuận tiện, lấy tất cả hồ sơ bệnh án trong thời gian NC thỏa mãn tiêu chuẩn NC nên không áp dụng công thức tính cỡ mẫu</p>	<p>- Tỷ lệ các cách thức kết thúc cuộc chuyển dạ đẻ con so</p> <p>- Đánh giá kết quả cuộc chuyển dạ về phía mẹ và phía con:</p>	5/2018	BM Sản	Tiếng Việt
14	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết cục thai kỳ những trường hợp đẻ ngôi ngược tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017</p> <p><i>PGS.TS. Nguyễn Văn Học</i> <i>ThS. Nguyễn Thị Hoàng Trang</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các sản phụ đẻ ngôi ngược tại BV Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017</p> <p>2. Mô tả kết cục thai kỳ các trường hợp đẻ ngôi ngược nói trên</p>	<p>- Đối tượng NC:</p> <p>- Tiêu chuẩn lựa chọn: Các sản phụ đẻ ngôi ngược tại BV Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017</p> <p>- Tiêu chuẩn loại trừ: các sản phụ hồ sơ không có đầy đủ thông tin cần cho nghiên cứu</p> <p>- Địa điểm NC: BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Thời gian NC: Từ 1/1/2017 đến 31/12/2017</p> <p>- Phương pháp NC: Nghiên cứu hồi cứu mô tả</p>	<p>Các biến số nghiên cứu:</p> <p>- Nhóm biến số về các đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu</p> <p>- Nhóm biến số về các đặc điểm lâm sàng của đối tượng nghiên cứu</p> <p>- Nhóm biến số về các đặc điểm cận lâm sàng của đối tượng nghiên cứu</p> <p>- Nhóm biến số về kết cục thai kỳ những trường hợp đẻ ngôi ngược nói trên</p>	5/2018	BM Sản	Tiếng Việt

15	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và thái độ xử trí các sản phụ ối vỡ non, ối vỡ sớm có vết mổ đẻ cũ trong năm 2017</p> <p><i>PGS.TS. Nguyễn Văn Học</i> <i>ThS. Đỗ Quang Anh</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các sản phụ ối vỡ non, ối vỡ sớm có vết mổ đẻ cũ trong năm 2017</p> <p>2. Nhận xét thái độ xử trí và kết cục thai kỳ của các sản phụ nói trên</p>	<p>- Đối tượng nghiên cứu: Các sản phụ có tiền sử mổ đẻ cũ, có ối vỡ non hoặc ối vỡ sớm, tuổi thai từ 22 tuần trở lên, kết thúc thai kỳ tại bệnh viện Phụ sản Hải Phòng trong thời gian từ 1/1/2017 đến 31/12/2017</p> <p>- Phương pháp NC: Nghiên cứu hồi cứu mô tả</p> <p>- Địa điểm nghiên cứu: BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Thời gian NC: Từ 1/1/2017 đến 31/12/2017</p>	<p>Các biến số nghiên cứu:</p> <p>- Nhóm biến số về các đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu</p> <p>- Nhóm biến số về các đặc điểm lâm sàng của đối tượng nghiên cứu</p> <p>- Nhóm biến số về các đặc điểm cận lâm sàng của đối tượng nghiên cứu</p> <p>- Nhóm biến số về thái độ xử trí và kết cục thai kỳ của đối tượng nghiên cứu</p>	5/2018	BM Sản	Tiếng Việt
16	<p>Nghiên cứu kích thước và các đường kính đầu thai nhi đủ tháng ở sản phụ đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2018</p> <p><i>TS. Vũ Quang Vinh</i> <i>ThS. Nguyễn Thị Mai Phương</i></p>	<p>1. Mô tả các kích thước, đường kính đầu thai nhi đủ tháng ở sản phụ đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2018</p> <p>2. Mô tả một số yếu tố liên quan đến kích thước đầu thai nhi đủ tháng ở những đối tượng nói trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Sản phụ đẻ con đủ tháng tại BV Phụ sản Hải Phòng năm 2018 đồng ý tham gia vào NC</p> <p>- Phương pháp NC: Nghiên cứu mô tả cắt ngang</p> <p>- Cỡ mẫu NC: 700 BN</p>	<p>- Các kích thước, đường kính đầu thai nhi đủ tháng</p> <p>- Một số yếu tố liên quan đến kích thước đầu thai nhi</p>	5/2018	BM Sản	Tiếng Việt

17	<p>Nghiên cứu các chỉ định mổ lấy thai ở những sản phụ sinh con so tại Bệnh viện Phụ sản Hải phòng 3 tháng cuối năm 2017</p> <p><i>ThS. Nguyễn Thị Mai Phương</i></p>	<p>1. Xác định tỷ lệ mổ lấy thai ở những sản phụ đẻ sinh con so tại BV Phụ sản Hải Phòng từ 1/10 đến 31/12/2017 và một số yếu tố liên quan</p> <p>2. Nhận xét một số chỉ định mổ lấy thai chính ở những sản phụ sinh con so nói trên</p>	<p>- Đối tượng nghiên cứu: Tất cả các sản phụ và hồ sơ bệnh án của những sản phụ MLT con so tại BV PS HP từ 1/10 đến 31/12/2017</p> <p>- Thiết kế NC: mô tả cắt ngang</p> <p>- Cỡ mẫu NC: mẫu thuận tiện, lấy tất cả hồ sơ bệnh án trong thời gian NC thỏa mãn tiêu chuẩn NC nên không áp dụng công thức tính cỡ mẫu</p>	<p>- Tỷ lệ MLT con so</p> <p>- Nhận xét một số chỉ định MLT chính</p>	5/2018	BM Sản	Tiếng Việt
18	<p>Nghiên cứu tình hình nhiễm HBV và kiến thức, thái độ, thực hành điều trị dự phòng lây truyền HBV từ mẹ sang con ở sản phụ đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2018</p> <p><i>BSCCKII. Vũ Đức Thăng</i> <i>ThS. Nguyễn Thị Mai Phương</i></p>	<p>1. Xác định tỷ lệ nhiễm HBV và một số yếu tố liên quan ở sản phụ đẻ tại BV Phụ sản Hải Phòng năm 2018</p> <p>2. Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành điều trị dự phòng lây truyền HBV từ mẹ sang con ở những đối tượng nói trên</p>	<p>- Đối tượng nghiên cứu: những sản phụ đẻ con đủ tháng tại BV Phụ sản Hải Phòng năm 2018 đồng ý tham gia vào nghiên cứu</p> <p>- Phương pháp NC:</p> <p>- Thiết kế NC: mô tả cắt ngang</p> <p>- Cỡ mẫu NC: Theo công thức tính cỡ mẫu cho ước lượng một giá trị tỷ lệ:</p> <p>3. Phương pháp và công cụ thu thập số liệu: sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn được thiết kế trước</p>	<p>1. Tỷ lệ nhiễm HBV và một số yếu tố liên quan</p> <p>2. Kiến thức, thái độ, thực hành điều trị dự phòng lây truyền HBV từ mẹ sang</p>	5/2018	BM Sản	Tiếng Anh

19	<p>Nghiên cứu tình hình nhiễm HIV/AIDS ở sản phụ đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2016-2017 BS CKII. Nguyễn Thị Mai Anh ThS. Nguyễn Thị Mai Phương</p>	<p>1. Xác định tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS và một số yếu tố liên quan ở sản phụ đẻ tại BV Phụ sản Hải Phòng năm 2016-2017 2. Xác định tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con và một số yếu tố liên quan ở những đối tượng nói trên</p>	<p>- Đối tượng NC: tất cả hồ sơ bệnh án của những sản phụ được chẩn đoán xác định HIV(+) vào đẻ tại BV Phụ sản Hải Phòng trong 2 năm 2016-2017 - Phương pháp NC - Thiết kế NC: mô tả cắt ngang - Cỡ mẫu NC: mẫu thuận tiện, lấy tất cả hồ sơ bệnh án trong thời gian NC thỏa mãn tiêu chuẩn NC nên không áp dụng công thức tính cỡ mẫu</p>	<p>- Tỷ lệ nhiễm HIV và một số yếu tố liên quan - Tỷ lệ lây truyền mẹ con và một số yếu tố liên quan</p>	5/2018	BM Sản	Tiếng Anh
20	<p>Nghiên cứu hội chứng kháng phospholipid ở những trường hợp thụ tinh nhân tạo tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2017 TS. Vũ Văn Tâm ThS. Nguyễn Thị Mai Phương</p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của những thai phụ thụ tinh nhân tạo có hội chứng kháng phospholipid tại BV Phụ sản Hải Phòng năm 2017 2. Đánh giá kết quả điều trị hội chứng kháng phospholipid ở những đối tượng nói trên</p>	<p>- Đối tượng NC: tất cả thai phụ thụ tinh nhân tạo tại khoa hỗ trợ sinh sản, BV Phụ sản Hải Phòng từ 1/1 đến 21/12/2017 có kết quả xét nghiệm kháng antiphospholipid và có hồ sơ lưu trữ tại Bệnh viện - Phương pháp NC: - Thiết kế NC: mô tả cắt ngang - Cỡ mẫu NC: mẫu thuận tiện, lấy tất cả hồ sơ bệnh án trong thời gian NC thỏa mãn tiêu chuẩn NC nên không áp dụng công thức tính cỡ mẫu</p>	<p>- Đặc điểm LS, CLS sàng của những trường hợp IVF có hội chứng kháng phospholipid - Đánh giá kết quả điều trị hội chứng kháng phospholipid ở các trường hợp nói trên</p>	5/2018	BM Sản	Tiếng Anh

21	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết cục thai kỳ của các sản phụ làm thụ tinh nhân tạo hoặc IVF-ICSI có thai tiến triển tuổi thai từ 22 tuần tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng <i>TS. Vũ Văn Tâm</i> <i>ThS. Đỗ Quang Anh</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các trường hợp làm thụ tinh nhân tạo hoặc IVF-ICSI có thai tiến triển tuổi thai từ 22 tuần 2. Nhận xét về kết cục thai kỳ của các trường hợp trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Các sản phụ được làm thụ tinh nhân tạo hoặc IVF-ICSI có thai tiến triển và kết thúc thai nghén ở tuổi thai từ 22 tuần trở lên, trong khoảng thời gian từ 1/1/2017 đến 15/3/2018 - Địa điểm NC: BV Phụ sản Hải Phòng - Phương pháp NC: nghiên cứu hồi cứu mô tả loạt ca bệnh</p>	<p>Các biến số nghiên cứu: - Tỷ lệ đẻ non/ tổng số các trường hợp thụ tinh nhân tạo hoặc IVF-ICSI có thai tiến triển tuổi thai từ 22 tuần - Nhóm biến số về các đặc điểm LS của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về các đặc điểm CLS của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về kết cục thai kỳ của đối tượng NC</p>	5/2018	BM Sản	Tiếng Việt
22	<p>Nghiên cứu kết quả điều trị thai 12 tuần đầu ra máu tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng <i>ThS. Bùi Văn Hiếu</i> <i>ThS. Đào Thị Hải Yến</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của thai phụ ra máu trong 12 tuần đầu thời kỳ thai nghén tại BV Phụ sản Hải Phòng năm 2017 2. Nhận xét kết quả thai nghén trong những trường hợp trên</p>	<p>- Đối tượng NC: là những thai phụ mang thai dưới hoặc bằng 12 tuần có ra máu âm đạo điều trị tại BV Phụ sản Hải Phòng 6 tháng đầu năm 2017 - Địa điểm NC: BV Phụ sản Hải Phòng - Thời gian NC: từ 1/1/2017 đến 31/5/2017 - Phương pháp NC: Nghiên cứu hồi cứu mô tả cắt ngang</p>	<p>- Nhóm biến số về đặc điểm chung của đối tượng NC - Nhóm biến số về các đặc điểm LS của đối tượng NC - Nhóm biến số về các đặc điểm CLS của đối tượng NC - Nhóm biến số về xử trí và kết cục thai kỳ của đối tượng NC</p>	5/2018	BM Sản	Tiếng Việt

23	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến tình trạng nhiễm trùng vú trong thời kỳ cho con bú tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng</p> <p><i>ThS. Bùi Văn Hiếu</i> <i>TS. Ngô Thị Uyên</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân nhiễm trùng vú trong thời kỳ cho con bú tại BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>2. Đánh giá một số yếu tố liên quan đến tình trạng nhiễm trùng vú ở bệnh nhân cho con bú tại BV Phụ sản Hải Phòng</p>	<p>- Đối tượng NC: tất cả bệnh nhân nhiễm trùng vú trong thời kỳ cho con bú đến khám và điều trị tại BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Địa điểm NC: BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Phương pháp NC: mô tả tiến cứu</p> <p>- Cỡ mẫu: lấy mẫu thuận tiện không xác suất</p> <p>- Phương pháp chính: sản phụ đến khám được ghi nhận các triệu chứng, thời gian xuất hiện, tình trạng nhiễm trùng toàn thân, thể nhiễm trùng vú (viêm tắc tia sữa, apxe vú), vị trí ổ nhiễm trùng</p> <p>Sản phụ được phỏng vấn một số yếu tố liên quan dựa vào phiếu điều tra: cách đẻ thường hay đẻ mổ, tuổi thai, có cho con bú ngay sau đẻ không, bú mẹ hoàn toàn hay không, tình trạng núm vú...</p>	<p>- Nhóm biến số về đặc điểm chung của đối tượng NC</p> <p>- Nhóm biến số về các đặc điểm LS của đối tượng NC</p> <p>- Nhóm biến số về các đặc điểm CLS của đối tượng NC</p>	<p>từ 1/2018 đến 3/2018</p>	<p>BM Sản</p>	<p>Tiếng Việt</p>
24	<p>Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ tuần đầu sau đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng</p> <p><i>ThS. Đào Thị Hải Yến</i></p>	<p>Mô tả về kiến thức, thái độ và thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ tuần đầu sau đẻ tại BV Phụ sản Hải Phòng</p>	<p>- Đối tượng NC: Các sản phụ sau đẻ 1 tuần tại BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Phương pháp NC: mô tả cắt ngang</p> <p>- Cỡ mẫu: thuận tiện trong 3 tháng (từ 1/2018 - 3/2018)</p>	<p>Các biến số nghiên cứu: Đặc điểm LS: Tuổi, kiến thức cho con bú, thực hành cho con bú</p>	<p>từ 1/2018 đến 3/2018</p>	<p>BM Sản</p>	<p>Tiếng Việt</p>



25	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và các hình thái tổn thương cổ tử cung qua soi cổ tử cung ở bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng <i>ThS. Đào Thị Hải Yến</i></p>	<p>Mô tả đặc điểm lâm sàng và các hình thái tổn thương cổ tử cung qua soi cổ tử cung ở bệnh nhân đến khám tại BV Phụ sản Hải Phòng</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân đến khám tại BV Phụ sản Hải Phòng - Phương pháp NC: mô tả cắt ngang - Nơi triển khai: BV Phụ sản Hải Phòng - Cỡ mẫu: Thuận tiện trong 3 tháng từ 1/2018 đến 3/2018</p>	<p>Các biến số nghiên cứu: Đặc điểm LS: Tuổi, tiền sử sản phụ khoa, triệu chứng lâm sàng, hình ảnh tổn thương cổ tử cung qua soi cổ tử cung</p>	<p>từ 1/2018 đến 3/2018</p>	<p>BM Sản</p>	<p>Tiếng Việt</p>
26	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả xử trí u buồng trứng bằng phẫu thuật tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng <i>ThS. Thái Thị Huyền</i> <i>ThS. Đỗ Quang Anh</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các trường hợp u buồng trứng tại BV Phụ sản Hải Phòng 2. Nhận xét về xử trí bằng phẫu thuật các trường hợp u buồng trứng nêu trên</p>	<p>- Đối tượng nghiên cứu: Các bệnh nhân được chẩn đoán trước mổ là u buồng trứng và điều trị bằng phẫu thuật tại BV Phụ sản Hải Phòng trong thời gian từ 1/1/2017 đến 31/12/2017, có kết quả xét nghiệm mô bệnh học sau mổ khẳng định chẩn đoán trước mổ - Phương pháp NC: Nghiên cứu hồi cứu mô tả cắt ngang - Địa điểm NC: BV Phụ sản Hải Phòng</p>	<p>Các biến số nghiên cứu: - Nhóm biến số về đặc điểm chung của bệnh nhân u buồng trứng - Nhóm biến số về các đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân u buồng trứng - Nhóm biến số về các đặc điểm cận lâm sàng của bệnh nhân u buồng trứng - Nhóm biến số về kết quả xử trí u buồng trứng</p>	<p>5/2018</p>	<p>BM Sản</p>	<p>Tiếng Anh</p>

27	<p>Nghiên cứu kết quả khởi phát chuyển dạ bằng Misoprostol ở các trường hợp có thai từ 22 tuần trở lên tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017</p> <p><i>ThS. Thái Thị Huyền</i> <i>ThS. Đỗ Quang Anh</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng các trường hợp đình chỉ thai nghén ở tuổi thai từ 22 tuần tại BV Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017</p> <p>2. Mô tả kết quả khởi phát chuyển dạ bằng Misoprostol cho các trường hợp trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Các sản phụ chưa có chuyển dạ, có tuổi thai từ 22 tuần trở lên, gây chuyển dạ bằng sử dụng Misoprostol để đình chỉ thai nghén trong năm 2017</p> <p>- Phương pháp NC: Nghiên cứu hồi cứu mô tả loạt ca bệnh</p> <p>- Thời gian NC: Từ 1/1/2017 đến 31/12/2017</p> <p>- Địa điểm NC: BV Phụ sản Hải Phòng</p>	<p>Các biến số nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm biến số về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về các đặc điểm lâm sàng của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về các đặc điểm cận lâm sàng của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về kết quả khởi phát chuyển dạ của đối tượng nghiên cứu 	5/2018	BM Sản	Tiếng Việt
28	<p>Nghiên cứu đặc điểm và thái độ xử trí sản phụ con so mẹ lớn tuổi tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng</p> <p><i>ThS. Đỗ Quang Anh</i> <i>ThS. Nguyễn Thành Trung</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các sản phụ con so mẹ lớn tuổi trong năm 2017</p> <p>2. Nhận xét thái độ xử trí và kết cục thai kỳ của các trường hợp trên</p>	<p>- Đối tượng nghiên cứu: Các trường hợp đẻ con so mẹ lớn tuổi (>35) tại BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Phương pháp NC: Nghiên cứu hồi cứu mô tả cắt ngang</p> <p>- Địa điểm NC: BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Thời gian NC: Từ 1/1/2017 đến 31/12/2017</p>	<p>Các biến số nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm biến số về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về các đặc điểm lâm sàng của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về các đặc điểm cận lâm sàng của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về xử trí và kết cục thai kỳ của đối tượng nghiên cứu 	5/2018	BM Sản	Tiếng Anh
29	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và xử trí các trường hợp thiếu máu sau đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017</p> <p><i>ThS. Đỗ Quang Anh</i> <i>ThS. Phạm Bích Ngọc</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, mức độ thiếu máu của các thai phụ có thiếu máu sau đẻ tại BV Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017</p> <p>2. Mô tả kết quả xử trí các trường hợp thiếu máu sau đẻ nói trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Các sản phụ đẻ tại BV Phụ sản Hải Phòng trong năm 2017 được chẩn đoán xác định có thiếu máu sau đẻ trong thời gian nằm viện</p> <p>- Phương pháp NC: Nghiên cứu hồi cứu mô tả loạt ca bệnh</p> <p>- Địa điểm NC: BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Thời gian NC: Từ 1/1/2017 đến 31/12/2017</p>	<p>Các biến số nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm biến số về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về các đặc điểm lâm sàng của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về các đặc điểm cận lâm sàng của đối tượng nghiên cứu - Nhóm biến số về xử trí thiếu máu sau đẻ 	5/2018	BM Sản	Tiếng Anh

30	<p>Thực trạng sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng 2017</p> <p><i>Nguyễn Thị Việt Anh</i></p>	<p>- Mô tả thực trạng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình tại BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Mô tả một số yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình của các phụ nữ đến khám tại BV Phụ sản Hải Phòng</p>	<p>- Đối tượng NC: phụ nữ đến khám và sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình tại BV Phụ sản Hải Phòng</p> <p>- Thiết kế NC: mô tả cắt ngang tiến cứu</p> <p>- Chọn mẫu: thuận tiện có chủ đích</p> <p>- Cỡ mẫu: toàn bộ phụ nữ đến khám và được tư vấn các biện pháp kế hoạch hóa gia đình đáp ứng đủ tiêu chí trong thời gian nghiên cứu</p> <p>- Thu thập số liệu qua phiếu thu thập thông tin, phỏng vấn bộ câu hỏi có sẵn</p>	<p>- Thực trạng sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình của những phụ nữ đến khám và cần được tư vấn về sức khỏe sinh sản</p> <p>- Một số yếu tố ảnh hưởng đến các biện pháp kế hoạch hóa gia đình của những phụ nữ đến khám tại BV Phụ sản Hải Phòng: tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân</p>	6 tháng	BM Sản	
31	<p>Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh viêm cầu thận sau nhiễm khuẩn ở trẻ em</p> <p><i>PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng</i></p>	<p>1. Mô tả một số đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của bệnh viêm cầu thận sau nhiễm khuẩn ở trẻ em</p> <p>2. Mô tả một số đặc điểm cận lâm sàng</p>	<p>- Đối tượng NC: Tất cả bệnh nhân được chẩn đoán xác định bệnh viêm cầu thận sau nhiễm khuẩn đang điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ năm 2012 đến 2017</p> <p>- Phương pháp NC: Mô tả hồi cứu và tiến cứu một loạt ca bệnh: Mỗi bệnh nhân có một bệnh án riêng theo mẫu nghiên cứu. Trong đó ghi chép đầy đủ các triệu chứng LS và CLS</p>	<p>- Đặc điểm LS: tuổi phát bệnh, tuổi nhập viện, số lần tái phát, giới tính, cân nặng, tiền sử mắc viêm da, viêm họng trước đó, nhiệt độ lúc vào viện, phù, đái ít, THA, da xanh, niêm mạc nhợt</p> <p>- Đặc điểm CLS: xét nghiệm về công thức máu (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, máu lắng, đông máu cơ bản, thanh, cholesterol, triglycerid, ASLO), nước tiểu 10 thông số, các xét nghiệm Ig miễn dịch như IgG, IgA, điện di protein</p>	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt

32	<p>Đánh giá chất lượng cuộc sống của bệnh Lupus ban đỏ hệ thống ở trẻ em PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng</p>	<p>1. Đánh giá chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe của trẻ mắc bệnh Lupus ban đỏ hệ thống tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2. Mô tả một số yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống của trẻ mắc Lupus ban đỏ hệ thống kể trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân đã được chẩn đoán xác định bệnh Lupus ban đỏ hệ thống đang điều trị và theo dõi ngoại trú tại khoa Thận-Máu Nội tiết, Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ năm 2012 đến 2017 - Phương pháp NC: Nghiên cứu tiến cứu, mô tả cắt ngang</p>	<p>Mỗi bệnh nhân có một bệnh án theo mẫu thiết kế, bao gồm các thông tin về tuổi, giới, hoàn cảnh gia đình, địa dư, kết quả học tập, thông tin liên quan đến bệnh Lupus ban đỏ hệ thống như thời gian mắc bệnh, phân loại bệnh, tình trạng điều trị, các triệu chứng ngoại hình. Bên cạnh đó, mỗi bệnh nhân được đánh giá CLCS bằng bảng câu hỏi PedsQL 4.0 (Pediatric Quality of Life) của Bệnh viện Nhi và trung tâm sức khỏe San Diego, California. Thang điểm này được xây dựng bởi W. Varni và cộng sự công bố năm 2002. PedsQL gồm 23 câu hỏi về 4 lĩnh vực: sức khỏe thể chất, cảm xúc, quan hệ bạn bè xã hội, việc học tập ở trường. Số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm thống kê y học SPSS 20.0</p>	5/2018	BM Nhi	Tiếng Anh
33	<p>Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh viêm cầu thận trong Schonlein-Henoch ở trẻ em PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng</p>	<p>1. Mô tả một số đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của bệnh viêm cầu thận trong Schonlein-Henoch ở trẻ em 2. Mô tả một số đặc điểm cận lâm sàng</p>	<p>- Đối tượng NC: tất cả bệnh nhân đã được chẩn đoán xác định bệnh viêm cầu thận trong Schonlein-Henoch đang điều trị tại khoa Thận-Máu-Nội tiết Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ năm 2012 đến 2017 - Phương pháp NC: mô tả hồi cứu và tiến cứu một loạt ca bệnh</p>	<p>- Mô tả một số đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của bệnh viêm cầu thận trong Schonlein-Henoch ở trẻ em - Mô tả một số đặc điểm cận lâm sàng</p>	5/2018	BM Nhi	Tiếng Anh


34	Thiếu máu sắt và một số yếu tố liên quan ở trẻ từ 6 tháng đến 5 tuổi tại khoa Nhi Bệnh viện Quốc tế Green năm 2017 <i>TS. Vũ Văn Quang</i>	1. Mô tả thực trạng thiếu sắt và một số yếu tố liên quan ở trẻ từ 6 tháng đến 5 tuổi đến khám và điều trị tại khoa Nhi BV Quốc tế Green năm 2017 2. Phân tích một số yếu tố liên quan đến tình trạng thiếu máu thiếu sắt	- Đối tượng NC: trẻ từ 6 tháng đến 5 tuổi đến khám và điều trị tại khoa Nhi BV Quốc tế Green năm 2017 - Phương pháp NC: nghiên cứu cắt ngang mô tả	- Mô tả thực trạng thiếu sắt và một số yếu tố liên quan ở trẻ từ 6 tháng đến 5 tuổi đến khám và điều trị tại khoa Nhi BV Quốc tế Green năm 2017 - Phân tích một số yếu tố liên quan đến tình trạng thiếu máu thiếu sắt	1 năm	BM Nhi	Tiếng Việt
35	So sánh dự trữ sắt ở độ tuổi 4-6 tháng giữa 2 nhóm sơ sinh thường cất rốn chậm và cất rốn ngay sau đẻ tại Bệnh viện Quốc tế Green năm 2017-2018 <i>TS. Vũ Văn Quang</i>	1. Đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm huyết học của các bà mẹ ngay trước sinh 2. Đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm huyết học của trẻ sơ sinh ngay sau đẻ 3. Đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm huyết học ở các trẻ lúc 4-6 tháng tuổi	- Đối tượng NC: trẻ sơ sinh thường - Phương pháp NC: mô tả hồi cứu kết hợp nghiên cứu quan sát theo thời gian - Địa điểm NC: BV Quốc tế Green	- Đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm huyết học của các bà mẹ ngay trước sinh - Đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm huyết học của trẻ sơ sinh ngay sau đẻ - Đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm huyết học ở các trẻ lúc 4-6 tháng tuổi	12 tháng	BM Nhi	Tiếng Việt
36	Nghiên cứu mô hình bệnh tật tại khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green trong 2 năm 2016-2017 <i>TS. Vũ Văn Quang</i>	1. Mô tả tỷ lệ các mặt bệnh tật tại khoa Nhi trong 2 năm, phân bố bệnh tật theo mùa và địa dư 2. Nhận xét về kết quả điều trị của khoa Nhi trong 2 năm	- Phương pháp NC: mô tả hồi cứu toàn bộ các bệnh nhân được điều trị tại khoa Nhi, BV Quốc tế Green từ tháng 1/2016 đến tháng 12 năm 2017	- Mô tả tỷ lệ các mặt bệnh tật tại khoa Nhi trong 2 năm, phân bố bệnh tật theo mùa và địa dư - Nhận xét về kết quả điều trị của khoa Nhi trong 2 năm	một năm	BM Nhi	Tiếng Việt
37	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng trẻ đẻ non (7 ngày tuổi) <i>ThS. Chu Thị Hà</i> <i>PGS.TS. Đặng Văn Chức</i>	1. Mô tả đặc điểm dịch tễ học lâm sàng trẻ đẻ non (7 ngày tuổi có suy hô hấp) 2. Xác định 1 số yếu tố liên quan đến suy hô hấp của đối tượng trên	- Đối tượng NC: trẻ đẻ non (7 ngày tuổi có suy hô hấp và không suy hô hấp) - Phương pháp NC: Mô tả tiền cứu - Nơi triển khai: Khoa sơ sinh và hồi sức cấp cứu BV Trẻ em Hải Phòng	- Mô tả đặc điểm dịch tễ học lâm sàng trẻ đẻ non (7 ngày tuổi có suy hô hấp) - Xác định 1 số yếu tố liên quan đến suy hô hấp của đối tượng trên	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt

38	<p>Đặc điểm dịch tễ lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến bệnh màng trong ở trẻ sơ sinh tại Khoa Hồi sức cấp cứu Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2016-2017</p> <p><i>PGS.TS. Đinh Văn Thức</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến bệnh màng trong ở trẻ sơ sinh tại khoa hồi sức cấp cứu bệnh viện Trẻ em HP năm 2016-2017</p> <p>2. Nhận xét kết quả điều trị các bệnh nhân trên</p>	<p>- Đối tượng NC: trẻ sơ sinh đẻ non tuổi thai <37 tuần được chẩn đoán là bệnh màng trong điều trị tại đơn nguyên hồi sức sơ sinh trong 2 năm 2016-2017</p> <p>- Phương pháp NC: Thiết kế NC: mô tả hồi cứu Cỡ mẫu và cách chọn mẫu: Chọn toàn bộ hồ sơ của các bệnh nhân đủ tiêu chuẩn nghiên cứu trên trong thời gian 2016-2017 Phương pháp thu thập thông tin: Từ các bệnh án được chọn theo mẫu bệnh án NC</p>	<p>- Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến bệnh màng trong ở trẻ sơ sinh tại Khoa Hồi sức cấp cứu BV Trẻ em HP năm 2016-2017</p> <p>- Nhận xét kết quả điều trị các bệnh nhân trên</p>	4/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
39	<p>Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh viêm màng não mủ trẻ em điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2016-2017</p> <p><i>PGS.TS. Đinh Văn Thức</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh viêm màng não mủ ở trẻ em điều trị tại Bệnh viện Trẻ em HP 2 năm 2016-2017</p> <p>2. Nhận xét kết quả điều trị của các bệnh nhân trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Các bệnh nhân được chẩn đoán là viêm màng não mủ điều trị tại BV Trẻ em HP 2 năm 2016-2017</p> <p>- Phương pháp NC: Thiết kế NC: Mô tả hồi cứu Cỡ mẫu và cách chọn mẫu: Gồm toàn bộ số bệnh nhân đủ tiêu chuẩn chẩn đoán trong thời gian nghiên cứu Phương pháp thu thập thông tin: Thu thập số liệu NC từ bệnh án đủ tiêu chuẩn NC theo bệnh án NC đã thiết kế từ trước</p>	<p>- Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh viêm màng não mủ ở trẻ em điều trị tại BV Trẻ em HP 2 năm 2016-2017</p> <p>- Nhận xét kết quả điều trị của các bệnh nhân trên</p>	4/2018	BM Nhi	Tiếng Việt

40	<p>Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2016-2017 PGS.TS. Đinh Văn Thức</p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất ở trẻ em điều trị tại BV Trẻ em HP năm 2016-2017 2. Phân tích kết quả điều trị các bệnh nhân trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Các bệnh nhân được chẩn đoán là cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất điều trị tại bệnh viện Trẻ em HP 2 năm 2016-2017 - Phương pháp NC: - Thiết kế NC: Mô tả hồi cứu - Cỡ mẫu NC: Mẫu thuận tiện, chọn toàn bộ số bệnh nhân đủ tiêu chuẩn trong thời gian NC</p>	<p>- Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất ở trẻ em điều trị tại BV Trẻ em HP năm 2016-2017 - Phân tích kết quả điều trị các bệnh nhân trên</p>	4/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
41	<p>Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh hen phế quản ở trẻ em điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2016-2017 PGS.TS. Đinh Văn Thức ThS.BSCKII. Hoàng Ngọc Anh</p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh hen phế quản ở trẻ em điều trị tại BV Trẻ em HP năm 2016-2017 2. Nhận xét kết quả điều trị các bệnh nhân trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán là hen phế quản điều trị tại Khoa Hô hấp và Khoa Hồi sức cấp cứu BV Trẻ em HP năm 2016-2017 - Phương pháp NC: - Thiết kế NC: Mô tả hồi cứu - Cỡ mẫu NC: Chọn toàn bộ số bệnh nhân đủ điều kiện tiêu chuẩn chẩn đoán vào điều trị nội trú tại Khoa Hô hấp và Khoa Hồi sức cấp cứu BV Trẻ em HP năm 2016-2017</p>	<p>- Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh hen phế quản ở trẻ em điều trị tại BV Trẻ em HP năm 2016-2017 - Nhận xét kết quả điều trị các bệnh nhân trên</p>	4/2018	BM Nhi	Tiếng Việt

42	<p>Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng của viêm tiểu phế quản cấp ở trẻ em từ 1 tháng tuổi đến 2 tuổi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2016-2017</p> <p><i>ThS.BSCKII. Hoàng Ngọc Anh</i> <i>PGS.TS. Đinh Văn Thúc</i></p>	<p>1. Mô tả một số đặc điểm dịch tễ, LS, CLS của viêm tiểu phế quản ở trẻ em từ 1 tháng đến 2 tuổi</p> <p>2. Liên quan giữa thang điểm đánh giá suy hô hấp RDAI trong viêm tiểu phế quản với các triệu chứng LS và CLS ở những bệnh nhân trên</p>	<p>- Đối tượng NC: bệnh nhân từ 1 tháng đến 24 tháng vào điều trị tại Khoa Hô hấp, BV Trẻ em HP</p> <p>- Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang</p> <p>- Cỡ mẫu: BN đủ tiêu chuẩn nghiên cứu</p>	<p>- Các biến số nghiên cứu</p> <p>- Các bước nghiên cứu</p>	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
43	<p>Tỷ lệ, nguyên nhân và một số yếu tố liên quan tới tử vong Trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2016-2017</p> <p><i>PGS.TS. Đinh Văn Thúc</i></p>	<p>1. Mô tả tỷ lệ, nguyên nhân tử vong trẻ em tại BV Trẻ em HP 2 năm 2016-2017</p> <p>2. Phân tích một số yếu tố liên quan đến tử vong tại BV Trẻ em HP trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Hồ sơ bệnh án của các bệnh nhân tử vong hoặc bệnh nhân nặng xin về (sau khi rút nội khí quản bệnh nhân cũng ngừng tim) tại BV Trẻ em HP 2 năm 2016-2017</p> <p>- Phương pháp NC:</p> <p>- Thiết kế NC: NC hồi cứu mô tả</p> <p>- Cỡ mẫu và cách chọn mẫu: Chọn toàn bộ số bệnh nhân tử vong hay nặng xin về tại BV Trẻ em HP 2 năm 2016-2017</p>	<p>- Mô tả tỷ lệ, nguyên nhân tử vong trẻ em tại BV Trẻ em HP 2 năm 2016-2017</p> <p>- Phân tích một số yếu tố liên quan đến tử vong tại BV Trẻ em HP trên</p>	4/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
44	<p>Nghiên cứu mô hình nhiễm khuẩn hô hấp và một số yếu tố liên quan viêm phổi nặng và rất nặng tại Khoa hô hấp Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2017-2018</p> <p><i>PGS.TS. Đặng Văn Chúc</i></p>	<p>1. Mô tả mô hình nhiễm khuẩn hô hấp cấp tại Khoa hô hấp BV trẻ em Hải Phòng năm 2017 - 2018</p> <p>2. Mô tả một số yếu tố liên quan đến Viêm phổi nặng/rất nặng tại Khoa hô hấp BV trẻ em Hải Phòng năm 2017 - 2018</p>	<p>- Đối tượng NC: tất cả các trẻ sơ sinh mắc nhiễm khuẩn hô hấp cấp.</p> <p>- Phương pháp NC: hồi cứu</p>	<p>- Mô hình nhiễm khuẩn hô hấp cấp tại Khoa Hô hấp BV trẻ em Hải Phòng năm 2017 - 2018</p> <p>- Một số yếu tố liên quan đến Viêm phổi nặng/rất nặng tại Khoa Hô hấp BV Trẻ em</p>	4/2018	BM Nhi	Tiếng Việt

45	Nghiên cứu nguyên nhân gây viêm phổi kéo dài ở trẻ em sơ sinh năm 2017 - 2018 <i>PGS.TS. Đặng Văn Chúc</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi kéo dài ở trẻ em sơ sinh năm 2017 - 2018 2. Tìm hiểu sự nhạy cảm của vi khuẩn với KS trên KS đồ và kết quả điều trị	- Đối tượng NC: Trẻ sơ sinh mắc viêm phổi kéo dài - Phương pháp NC: hồi cứu	- Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi kéo dài ở trẻ em sơ sinh năm 2017 - 2018 - Sự nhạy cảm của vi khuẩn với KS trên KS đồ và kết quả điều trị	4/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
46	Nghiên cứu tỷ lệ Viêm phổi do vi khuẩn kéo dài ở trẻ 2 tháng - 5 tuổi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng và một số yếu tố liên quan <i>PGS.TS. Đặng Văn Chúc</i> <i>ThS. Nguyễn Thị Ngọc Yến</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi kéo dài ở trẻ em sơ sinh năm 2017 - 2018 2. Mô tả một số yếu tố liên quan với viêm phổi kéo dài ở đối tượng nghiên cứu trên	- Đối tượng NC: tất cả các trẻ sơ sinh mắc viêm phổi kéo dài - Phương pháp NC: hồi cứu	- Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi kéo dài ở trẻ em sơ sinh năm 2017 - 2018 - Một số yếu tố liên quan với viêm phổi kéo dài ở đối tượng nghiên cứu trên	4/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
47	Thực trạng dinh dưỡng ở bệnh nhân viêm phổi tại khoa Hô hấp Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2017 - 2018 <i>PGS.TS. Đặng Văn Chúc</i>	1. Mô tả tỷ lệ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì trên bệnh nhân viêm phổi tại khoa Hô hấp 2. Mô tả một số yếu tố liên quan đến viêm phổi nặng/ rất nặng	- Đối tượng NC: tất cả các trẻ sơ sinh mắc viêm phổi tại khoa Hô hấp - Phương pháp NC: hồi cứu	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì trên bệnh nhân viêm phổi tại khoa Hô hấp - Một số yếu tố liên quan đến viêm phổi nặng/ rất nặng	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
48	Nghiên cứu thực trạng lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên nhân suy hô hấp không do nhiễm khuẩn tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2017 - 2018 <i>PGS.TS. Đặng Văn Chúc</i> <i>BSCCKII. Hoàng Ngọc Anh</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng suy hô hấp cấp không do nhiễm khuẩn tại Bệnh viện Trẻ em HP 2 năm 2017-2018 2. Nhận xét kết quả điều trị của các bệnh nhân trên	- Đối tượng NC: tất cả các trẻ suy hô hấp cấp không do vi khuẩn tại Khoa Sơ sinh và HSCC - Phương pháp NC: hồi cứu	- Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng suy hô hấp cấp không do nhiễm khuẩn tại BV Trẻ em HP 2 năm 2017-2018 - Nhận xét kết quả điều trị của các bệnh nhân trên	5/2018	BM Nhi	Tiếng Anh
49	Nghiên cứu tỷ lệ viêm phổi kéo dài và một số yếu tố liên quan ở trẻ 2 tháng - 5 tuổi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng <i>PGS.TS. Đặng Văn Chúc</i> <i>ThS. Nguyễn Thị Ngọc Yến</i>	1. Xác định tỷ lệ viêm phổi kéo dài ở trẻ 2 tháng - 5 tuổi tại BV trẻ em Hải Phòng 2. Mô tả một số yếu tố liên quan viêm phổi kéo dài ở trẻ 2 tháng - 5 tuổi tại BV trẻ em Hải Phòng	- Đối tượng NC: tất cả các trẻ 2 tháng - 5 tuổi điều trị viêm phổi kéo dài - Phương pháp NC: hồi cứu	- Tỷ lệ viêm phổi kéo dài ở trẻ 2 tháng - 5 tuổi tại BV trẻ em Hải Phòng - Một số yếu tố liên quan viêm phổi kéo dài ở trẻ 2 tháng - 5 tuổi tại BV Trẻ em Hải Phòng	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt



50	Thực trạng vàng da tăng bilirubin toàn phần ở trẻ sơ sinh Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2017 - 2018 <i>PGS.TS. Đặng Văn Chức</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng vàng da tăng bilirubin toàn phần 2. Đánh giá kết quả điều trị vàng da tăng bilirubin toàn phần sơ sinh tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	- Đối tượng NC: tất cả các trẻ sơ sinh mắc vàng da tăng bilirubin toàn phần - Phương pháp NC: hồi cứu	- Điểm lâm sàng, cận lâm sàng vàng da tăng bilirubin toàn phần - Đánh giá kết quả điều trị vàng da tăng bilirubin toàn phần sơ sinh tại BV Trẻ em Hải Phòng	5/2018	BM Nhi	Tiếng Anh
51	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm màng não mũ sơ sinh theo tiêu chuẩn tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng <i>PGS.TS.Đặng Văn Chức</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm màng não mũ sơ sinh 2. Đánh giá kết quả điều trị viêm màng não mũ sơ sinh tại Bệnh viện Trẻ em HP	- Đối tượng NC: Trẻ sơ sinh mắc VMNM - Phương pháp NC: hồi cứu	- Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm màng não mũ sơ sinh - Đánh giá kết quả điều trị viêm màng não mũ sơ sinh tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
52	So sánh đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng của hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em trong đợt phát bệnh lần đầu và đợt tái phát đầu tiên tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng <i>ThS. Nguyễn Bùi Bình</i> <i>PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng</i>	1. Mô tả đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của hội chứng thận hư tiên phát trong đợt phát bệnh lần đầu và đợt tái phát đầu tiên 2. Mô tả đặc điểm cận lâm sàng ở những bệnh nhân trên	- Đối tượng NC: tất cả các bệnh nhi được chẩn đoán hội chứng thận hư tiên phát trong đợt phát bệnh lần đầu và đợt tái phát đầu tiên tại BV Trẻ em HP từ tháng 10/2016 đến tháng 4/2018 - Phương pháp NC: mô tả cắt ngang một loạt ca bệnh	- Mô tả đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của hội chứng thận hư tiên phát trong đợt phát bệnh lần đầu và đợt tái phát đầu tiên - Mô tả đặc điểm cận lâm sàng ở những bệnh nhân trên	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
53	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của dậy thì sớm ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2016-2017 <i>ThS.BS. Nguyễn Bùi Bình</i> <i>BSCCKII. Trần Thị Ngọc Hòa</i>	1. Mô tả đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của dậy thì sớm ở trẻ em tại BV Trẻ em HP năm 2016-2017 2. Mô tả đặc điểm cận lâm sàng của bệnh nhân trên	- Đối tượng NC: tất cả trẻ em <10 tuổi được chẩn đoán là dậy thì sớm trung ương tại BV Trẻ em HP - Phương pháp NC: mô tả một loạt ca bệnh - Cỡ mẫu và cách chọn mẫu: Lấy toàn bộ bệnh nhân có đủ tiêu chuẩn chẩn đoán trong thời gian NC	- Mô tả đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của dậy thì sớm ở trẻ em tại BV Trẻ em HP năm 2016-2017 - Mô tả đặc điểm cận lâm sàng của bệnh nhân trên	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt

54	<p>Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành của bố mẹ các trẻ bị hen phế quản tại phòng khám ngoại trú Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng</p> <p><i>ThS.BS. Trần Thị Thắm</i> <i>BSCKII. Hoàng Ngọc Anh</i></p>	<p>1. Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành của bố mẹ các trẻ bị hen phế quản tại phòng khám ngoại trú BV Trẻ em HP</p> <p>2. Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ và hành vi của bố mẹ các trẻ bị hen phế quản</p>	<p>- Đối tượng NC: tất cả các trẻ đã được chẩn đoán Hen phế quản đang được quản lý tại phòng khám ngoại trú BV Trẻ em HP</p> <p>- Nơi triển khai: Phòng khám ngoại trú Hen - BV Trẻ em HP</p> <p>- Phương pháp NC: mô tả tiến cứu một loạt ca bệnh</p>	<p>- Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành của bố mẹ các trẻ bị hen phế quản tại phòng khám ngoại trú BV Trẻ em HP</p> <p>- Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ và hành vi của bố mẹ các trẻ bị hen phế quản</p>	4/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
55	<p>Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các trẻ bị viêm amidan mạn tính vào điều trị tại Khoa Tai Mũi Họng - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ tháng 1/2017 đến tháng 12/2017</p> <p><i>ThS. Trần Hồng Hạnh</i> <i>ThS. Trần Thị Thắm</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các trẻ bị viêm amidan mạn tính vào điều trị tại Khoa Tai Mũi Họng - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ tháng 1/2017 đến tháng 12/2017</p> <p>2. Nhận xét kết quả phẫu thuật ở những bệnh nhân trên</p>	<p>- Đối tượng NC: Trẻ đã được chuẩn đoán viêm amidan mạn tính có chỉ định phẫu thuật vào điều trị tại khoa Tai Mũi Họng - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng</p> <p>- Phương pháp NC: Mô tả một loạt ca bệnh</p>	<p>- Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các trẻ bị viêm amidan mạn tính vào điều trị tại khoa Tai Mũi Họng - BV Trẻ em Hải Phòng từ tháng 1/2017 đến tháng 12/2017</p> <p>- Nhận xét kết quả phẫu thuật ở những bệnh nhân trên</p>	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt

56	<p>Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, và hiệu quả điều trị phác đồ OAM (Omeprazole, Amoxicillin, Metronidazole) ở bệnh nhân viêm loét dạ dày do Helicobacter Pylori tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng</p> <p><i>ThS Phạm Thị Ngọc</i> <i>TS Vũ Văn Quang</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân viêm loét dạ dày do HP(Helicobacter Pylori) tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng</p> <p>2. Nhận xét hiệu quả điều trị phác đồ OAM ở bệnh nhân viêm loét dạ dày do HP tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán và điều trị viêm loét dạ dày do HP tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2017-2018</p> <p>- Phương pháp NC: Hồi cứu và tiến cứu mô tả</p>	<p>Các bệnh nhân được chọn theo một mẫu bệnh án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm dịch tễ lâm sàng: Tuổi, địa chỉ, giới tính, tiền sử gia đình, tiền sử bệnh bản thân... - Đặc điểm lâm sàng: Các triệu chứng đau bụng, nôn, ợ hơi ợ chua, chán ăn, táo bón, ỉa lỏng, xuất huyết tiêu hóa... - Đặc điểm cận lâm sàng, hình ảnh tổn thương qua nội soi tiêu hóa,... - Chẩn đoán xác định nhiễm HP thông qua tests nhanh.(Test urease nhanh: dương tính) - Bệnh nhân thực hiện đúng phác đồ điều trị OAM trong 2 tuần - Kiểm tra lại sau khi ngừng thuốc 4 tuần 	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt
57	<p>Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, nội soi ở bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2015-2017</p> <p><i>ThS Phạm Thị Ngọc</i> <i>TS Vũ Văn Quang</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng ở bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng 2015- 2017</p> <p>2. Mô tả đặc điểm cận lâm sàng, nội soi ở bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng 2015-2017</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán XHTH tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2015- 2017</p> <p>- Phương pháp NC: Hồi cứu mô tả</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm dịch tễ lâm sàng: Tuổi, địa chỉ, giới tính, tiền sử gia đình, tiền sử bệnh bản thân... - Đặc điểm lâm sàng: Các triệu chứng đau bụng, xuất huyết tiêu hóa, mức độ nặng của XHTH ... - Đặc điểm nội soi: Thời điểm nội soi, Vị trí tổn thương, đặc điểm tổn thương, tests chẩn đoán nhiễm HP,... 	5/2018	BM Nhi	Tiếng Việt

58	<p>Nghiên cứu điều trị kiểm soát huyết áp và đường máu ở người bệnh điều trị nội trú trong và ngoài khoa Hồi sức tích cực Nội Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng <i>PGS.TS. Phạm Văn Linh</i></p>	<p>1. Mô tả tiền/bệnh sử, lâm sàng và cận lâm sàng nhóm người bệnh người lớn có tăng huyết áp và/hoặc tăng đường máu điều trị nội trú trong và ngoài khoa Hồi sức tích cực Nội 2. Đánh giá về chỉ định điều trị và đáp ứng với điều trị kiểm soát HA và/hoặc đường máu</p>	<p>- Đối tượng NC: Người bệnh và hồ sơ bệnh án điều trị nội trú tại các Khoa Hồi sức tích cực Nội và tại các Khoa Lâm sàng khối Nội khác - Phương pháp NC: Kết hợp hồi cứu và tiến cứu (đối chiếu các khuyến cáo thực chứng mới nhất) - Nơi triển khai: Khoa Hồi sức tích cực Nội BV Đại học Y Hải Phòng</p>	<p>- Tiền/bệnh sử và bệnh cảnh lâm sàng (THA, tiểu đường, HCCH, bệnh đồng mắc) - Tình trạng huyết áp và đường máu - Điều trị kiểm soát huyết áp hay đường máu (chỉ định theo thời gian) - Đáp ứng với điều trị kiểm soát huyết áp hay đường máu</p>	3/2018	BM Dự ứng - Miễn dịch lâm sàng	Việt/Pháp/Anh
59	<p>Nghiên cứu kiểm soát huyết áp và đường máu ở người bệnh người lớn trước, trong và sau mổ tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng <i>PGS.TS. Phạm Văn Linh</i></p>	<p>1. Mô tả tiền/bệnh sử, lâm sàng và cận lâm sàng nhóm người bệnh người lớn có tăng huyết áp và/hoặc tăng đường máu trước/trong/sau mổ 2. Đánh giá về chỉ định điều trị và đáp ứng đối với điều trị kiểm soát huyết áp và/hoặc đường máu trên nhóm đối tượng nghiên cứu</p>	<p>- Đối tượng NC: Người bệnh và hồ sơ bệnh án điều trị nội trú tại Khoa Ngoại BV Đại học Y Hải Phòng - Phương pháp NC: Kết hợp hồi cứu và tiến cứu (đối chiếu các khuyến cáo thực chứng mới nhất) - Nơi triển khai: BV Đại học Y Hải Phòng</p>	<p>- Tiền/bệnh sử và bệnh cảnh lâm sàng (bệnh lý ngoại khoa, các bệnh đồng mắc) - Tình trạng huyết áp và đường máu - Điều trị kiểm soát huyết áp hay đường máu (chỉ định theo thời gian) - Đáp ứng với điều trị kiểm soát huyết áp hay đường máu</p>	3/2018	BM Dự ứng - Miễn dịch lâm sàng	Việt/Pháp/Anh
60	<p>Nghiên cứu lâm sàng và điều trị suy tim có phân số tổng máu giảm tại Khoa Hô hấp - Tim mạch Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng <i>PGS.TS. Phạm Văn Linh</i> <i>ThS.BS. Nguyễn Thị Hồng Liên</i></p>	<p>1. Mô tả tiền/bệnh sử, lâm sàng và cận lâm sàng nhóm người bệnh người lớn có suy tim có phân số tổng máu thấp (EFrHF) 2. Đánh giá về chỉ định điều trị và đáp ứng trên nhóm đối tượng nghiên cứu (đối chiếu các khuyến cáo thực chứng mới nhất về điều trị suy tim)</p>	<p>- Đối tượng NC: Người bệnh và hồ sơ bệnh án điều trị nội trú tại Khoa Hô hấp - Tim mạch BV Đại học Y Hải Phòng - Phương pháp NC: Kết hợp hồi cứu và tiến cứu (đối chiếu các khuyến cáo thực chứng mới nhất về điều trị suy tim) - Nơi triển khai: Khoa Hô hấp - Tim mạch BV Đại học Y Hải Phòng</p>	<p>- Tiền/bệnh sử và bệnh cảnh lâm sàng (suy tim, bệnh lý căn nguyên và đồng mắc) - Các chỉ số thăm dò, xét nghiệm - Điều trị thuốc (chỉ định theo thời gian) - Đáp ứng với điều trị (đánh giá lâm sàng và qua các chỉ số thăm dò)</p>	3/2018	BM Dự ứng - Miễn dịch lâm sàng	Việt/Pháp/Anh

July 23

61	<p>Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân lao phổi nghiện chích ma túy tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng 2012-2018</p> <p><i>ThS. Nguyễn Đức Thọ</i></p>	<p>Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân lao phổi nghiện chích ma túy tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng</p>	<p>- Đối tượng: Bệnh nhân lao phổi có nghiện chích ma túy năm và điều trị tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi từ 2012 - 2018</p> <p>- Phương pháp: nghiên cứu mô tả cắt ngang</p> <p>- Cỡ mẫu: Ước lượng 80 bệnh nhân</p> <p>- Kỹ thuật chọn mẫu; Chọn mẫu thuận tiện, không xác suất</p>	<p>- Đặc điểm đối tượng NC: tuổi, giới, tiền sử, nghề nghiệp, địa dư, mức sống, thời gian nghiện ma túy...</p> <p>- Nghiên cứu LS: Các biểu hiện triệu chứng cơ năng, toàn thân và thực thể, các bệnh phối hợp.</p> <p>- Nghiên cứu CLS: xét nghiệm soi đờm trực tiếp, xquang tim phổi, công thức máu, sinh hóa máu, phản ứng Mantoux...</p>	5/2018	BM Lao và Bệnh phổi	Tiếng Việt
62	<p>Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân lao màng bụng tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng 2012-2018</p> <p><i>ThS. Nguyễn Đức Thọ</i></p>	<p>Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân lao màng bụng tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng</p>	<p>- Đối tượng: bệnh nhân được chẩn đoán lao màng bụng năm và điều trị tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi từ 2012 - 2018</p> <p>- Phương pháp: nghiên cứu mô tả cắt ngang</p> <p>- Cỡ mẫu: Ước lượng 100 bệnh nhân</p> <p>- Kỹ thuật chọn mẫu; Chọn mẫu thuận tiện, không xác suất</p>	<p>- Đặc điểm đối tượng nghiên cứu: tuổi, giới, tiền sử, nghề nghiệp, địa dư,...</p> <p>- Nghiên cứu lâm sàng: Các biểu hiện triệu chứng cơ năng, toàn thân và thực thể, các bệnh phối hợp.</p> <p>- Nghiên cứu cận lâm sàng: xét nghiệm dịch màng bụng, xét nghiệm soi đờm trực tiếp, xquang tim phổi, công thức máu, sinh hóa máu, phản ứng Mantoux...</p>	5/2018	BM Lao và Bệnh phổi	

63	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng lao phổi ở bệnh nhân phổ thông trung học tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017</p> <p><i>PGS.TS. Nguyễn Huy Điện</i></p>	<p>1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng lao phổi ở bệnh nhân đang học phổ thông trung học tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017</p> <p>2. Nghiên cứu đặc điểm cận lâm sàng lao phổi ở bệnh nhân đang học phổ thông trung học tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán lao phổi đang học phổ thông trung học vào điều trị tại BV Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017 có hồ sơ lưu tại phòng kế hoạch tổng hợp</p> <p>- Phương pháp NC: Hồi cứu mô tả cắt ngang giai đoạn qua hồ sơ bệnh án trong 5 năm tại BV Lao và Bệnh phổi Hải Phòng</p> <p>- Nơi triển khai: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi HP</p>	<p>1. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan tới lao phổi ở lứa tuổi học sinh đang học phổ thông trung học: Lớp, địa dư, hệ thống công hay dân lập...</p> <p>2. Nghiên cứu về lâm sàng: Sốt, ho khạc kéo dài, mệt mỏi, gầy sút cân, khám thực thể và các dấu hiệu khác kèm theo...</p> <p>3. Nghiên cứu về cận lâm sàng: XQ tim phổi, CTM, XN đờm, và các xét nghiệm khác liên quan</p>	5/2018	BM Lao và Bệnh phổi	Tiếng Việt
64	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng lao phổi mới AFB(+) ở bệnh nhân đái đường tuýp 2 tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng 2015-2017</p> <p><i>PGS.TS. Nguyễn Huy Điện</i></p>	<p>1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng lao phổi mới AFB(+) ở bệnh nhân đái đường tuýp 2 tại bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 3 năm từ 2015-2017</p> <p>2. Nghiên cứu đặc điểm cận lâm sàng lao phổi mới AFB(+) ở bệnh nhân đái đường tuýp 2 tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 3 năm từ 2015-2017</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán lao phổi mới AFB(+) ở bệnh nhân đái đường tuýp 2 tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 3 năm từ 2015-2017 có hồ sơ lưu tại Phòng Kế hoạch tổng hợp</p> <p>- Phương pháp NC: Hồi cứu mô tả cắt ngang giai đoạn qua hồ sơ bệnh án trong 3 năm tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng</p> <p>- Nơi triển khai: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi HP</p>	<p>- Tìm hiểu một số yếu tố liên quan tới lao phổi mới AFB(+) ở bệnh nhân đái đường tuýp 2: Tuổi, giới, địa dư, nghề nghiệp...</p> <p>- Nghiên cứu về LS: Sốt, ho khạc kéo dài, mệt mỏi, gầy sút cân, khám thực thể và các dấu hiệu khác kèm theo...</p> <p>- Nghiên cứu về CLS: XQ tim phổi, CTM, XN đờm, Glucoso máu trước trong điều trị lao, và các xét nghiệm khác liên quan</p>	5/2018	BM Lao và Bệnh phổi	Tiếng Việt

65	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng lao phổi tái phát muộn và kháng thuốc của Mycobacterium tuberculosis tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017 PGS.TS. Nguyễn Huy Điện</p>	<p>1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng lao phổi tái phát muộn tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017 2. Nghiên cứu kháng thuốc của Mycobacterium tuberculosis tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017</p>	<p>- Đối tượng NC: là những bệnh nhân được chẩn đoán lao phổi tái phát muộn đã được kết luận khỏi bệnh sau 2 năm tái phát bệnh vào điều trị tại BV Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017 có hồ sơ lưu tại phòng kế hoạch tổng hợp - Nơi triển khai: BV Lao và Bệnh phổi Hải Phòng - Phương pháp NC: Hồi cứu mô tả cắt ngang giai đoạn qua hồ sơ bệnh án trong 5 năm tại BV Lao và Bệnh phổi Hải Phòng</p>	<p>- Tìm hiểu yếu tố liên quan tới lao phổi tái phát muộn: Tuổi, giới, địa dư, nghề nghiệp... - Nghiên cứu về lâm sàng: Sốt, ho khạc kéo dài, mệt mỏi, gây sút cân, khám thực thể và các dấu hiệu khác kèm theo...Nghiên cứu về cận lâm sàng: XQ tim phổi, CTM, XN đờm, Glucoso máu trước trong điều trị lao, và các xét nghiệm khác liên quan... - Kết quả cấy đờm tìm BK(KSD) tính chất và kiểu kháng thuốc, gent XPERT</p>	5/2018	BM Lao và Bệnh phổi	Tiếng Việt
66	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng lao phổi mới AFB(+) ở phụ nữ tuổi 20-40 tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 2 năm từ 2016-2017 PGS.TS. Nguyễn Huy Điện</p>	<p>1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng lao phổi mới AFB(+) ở phụ nữ tuổi 20-40 tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 2 năm từ 2016-2017 2. Nghiên cứu đặc điểm cận lâm sàng lao phổi mới AFB(+) ở phụ nữ tuổi 20-40 tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 2 năm từ 2016-2017</p>	<p>- Đối tượng NC: Những bệnh nhân được chuẩn đoán lao phổi mới AFB(+) ở phụ nữ tuổi 20-40 tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 2 năm từ 2016-2017 có hồ sơ tại phòng kế hoạch tổng hợp - Phương pháp NC: Hồi cứu mô tả cắt ngang giai đoạn qua hồ sơ bệnh án trong 2 năm tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng - Nơi triển khai: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi HP</p>	<p>- Tìm hiểu một số yếu tố liên quan tới lao phổi mới AFB(+) ở phụ nữ tuổi 20-40: Tuổi, địa dư, nghề nghiệp... - Nghiên cứu về lâm sàng: Sốt, ho khạc kéo dài, mệt mỏi, gây sút cân, khám thực thể và các dấu hiệu khác kèm theo... - Nghiên cứu về cận lâm sàng: XQ tim phổi, CTM, XN đờm, và các xét nghiệm khác liên quan</p>	5/2018	BM Lao và Bệnh phổi	Tiếng Việt

67	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng lao phổi mới AFB(+) ở người già tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 2 năm từ 2016-2017 PGS.TS. Nguyễn Huy Điện</p>	<p>1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng lao phổi mới AFB(+) ở người già tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 2 năm từ 2016-2017 2. Nghiên cứu đặc điểm cận lâm sàng lao phổi mới AFB(+) ở người già tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 2 năm từ 2016-2017</p>	<p>1. Đối tượng NC: Những bệnh nhân được chuẩn đoán lao phổi mới AFB(+) ở người già tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 2 năm từ 2016-2017 có lưu hồ sơ tại phòng kế hoạch tổng hợp 2. Nơi triển khai: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng 3. Phương pháp nghiên cứu: Hồi cứu mô tả cắt ngang giai đoạn qua hồ sơ bệnh án trong 2 năm tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng</p>	<p>- Tìm hiểu một số yếu tố liên quan tới lao phổi mới AFB(+) ở người già: Tuổi, giới, địa dư, nghề nghiệp trước khi nghỉ tuổi già... - Nghiên cứu về lâm sàng: Sốt, ho khạc kéo dài, mệt mỏi, gầy sút cân, khám thực thể và các dấu hiệu khác kèm theo... - Nghiên cứu về cận lâm sàng: XQ tim phổi, CTM, XN đờm, và các xét nghiệm khác liên quan</p>	5/2018	BM Lao và Bệnh phổi	Tiếng Việt
68	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng lao màng não người lớn tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017 PGS.TS. Nguyễn Huy Điện</p>	<p>1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng lao màng não người lớn tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017 2. Nghiên cứu đặc điểm cận lâm sàng lao màng não người lớn tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 5 năm từ 2013-2017</p>	<p>1. Đối tượng NC: Những bệnh nhân được chuẩn đoán lao màng não vào điều trị tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng trong 25 năm từ 2013-2017 có lưu hồ sơ tại phòng kế hoạch tổng hợp - Phương pháp NC: Hồi cứu mô tả cắt ngang giai đoạn qua hồ sơ bệnh án trong 5 năm tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Phòng - Nơi triển khai: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi HP</p>	<p>- Tìm hiểu một số yếu tố liên quan tới lao màng não người lớn: Tuổi, giới, địa dư, nghề nghiệp... - Nghiên cứu về lâm sàng: Sốt, đau đầu, nôn, táo bón hoặc ỉa lỏng, dấu hiệu thực thể cổ cứng, kernig, vạch màng bụng, các yếu tố về tinh thần, và các dấu hiệu khác kèm theo... - Nghiên cứu về cận lâm sàng: XQ tim phổi, CTM, XN đờm, và các xét nghiệm khác liên quan</p>	5/2018	BM Lao và Bệnh phổi	Tiếng Việt

69	<p>Một số đặc điểm nhân trắc và yếu tố nguy cơ tim mạch của thuyền viên Hải Phòng năm 2017-2018</p> <p><i>BSNT. Nguyễn Bảo Nam</i></p> <p><i>ThS. Phạm Bích Ngọc</i></p>	<p>1. Mô tả một số đặc điểm nhân trắc học của thuyền viên Hải Phòng</p> <p>2. Mô tả đặc điểm một số yếu tố nguy cơ tim mạch của đối tượng thuyền viên nói trên</p>	<p>- Đối tượng NC: gồm các thuyền viên đang làm việc cho các công ty vận tải biển đang đóng trên địa bàn Hải Phòng và có khám, quản lý sức khỏe tại Viện Y học Biển Việt Nam</p> <p>- Phương pháp NC: mô tả cắt ngang</p>	<p>- Khám lâm sàng để đo đạc, đánh giá các đặc điểm về các chỉ tiêu nhân trắc học của thuyền viên Việt Nam; những biến đổi của các chỉ số này so với trước đây và so với đối tượng lao động trên đất liền</p> <p>- Khám lâm sàng cùng với khảo sát 1 số chỉ tiêu cận lâm sàng nhằm đánh giá 1 số yếu tố nguy cơ tim mạch ở đối tượng thuyền viên nói trên</p>	5/2018	Khoa Y học biển	<p>Tiếng Anh</p> <p>Hướng dẫn</p> <p>SV: Bùi Thị Trang</p>
70	<p>Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm nấm Candida spp đường sinh dục ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18 - 49) đã có chồng tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng năm 2016</p> <p><i>TS. Vũ Văn Thái</i></p>	<p>1. Xác định tỷ lệ nhiễm nấm Candida spp đường sinh dục ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18 - 49) đã có chồng tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng năm 2016</p> <p>2. Xác định một số yếu tố liên quan nhiễm Candida SP đường sinh dục tại điểm nghiên cứu</p>	<p>- Đối tượng NC: tất cả phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18 - 49) đã có chồng thuộc diện điều tra đều được khám phụ khoa và lấy dịch cùng đồ âm đạo để làm xét nghiệm tìm nấm Candida spp đường sinh dục (soi tươi bằng nước muối sinh lý và nhuộm bằng kỹ thuật Gram)</p> <p>- Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang; Phỏng vấn trực tiếp những người được xét nghiệm tìm nấm Candida spp đường sinh dục bằng bộ câu hỏi KAP thích hợp</p>	<p>- Xác định tỷ lệ nhiễm nấm Candida spp đường sinh dục ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18 - 49) đã có chồng tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng năm 2016</p> <p>- Xác định một số yếu tố liên quan nhiễm Candida SP đường sinh dục tại điểm nghiên cứu</p>	12/2016 - 5/2018	BM Ký sinh trùng	Tiếng Việt

71	Thực trạng nhiễm nấm gây lang ben và một số yếu tố liên quan ở học sinh trường Trung học cơ sở Vĩnh Niệm thành phố Hải Phòng <i>ThS. Võ Thị Thanh Hiền</i>	1. Đánh giá thực trạng nhiễm nấm gây lang ben ở học sinh trường Trung học cơ sở Vĩnh Niệm thành phố Hải Phòng năm 2017 2. Xác định một số yếu tố liên quan đến nhiễm nấm gây lang ben ở đối tượng nghiên cứu	- Đối tượng NC: học sinh đang học tập tại trường Trung học cơ sở Vĩnh Niệm, Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Hải Phòng - Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang	- Xác định tỷ lệ nhiễm nấm gây lang ben ở học sinh trung học - Xác định tỷ lệ nhiễm nấm gây lang ben theo tuổi, giới và vị trí tổn thương - Xác định các triệu chứng lâm sàng ở học sinh mắc bệnh lang ben - Xác định một số yếu tố liên quan đến nhiễm nấm gây lang ben	2018	BM Ký sinh trùng	Tiếng Việt
72	Thực trạng kiểm soát glucose máu và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường typ II điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng <i>ThS. Nguyễn Thị Thắm</i> <i>ThS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu</i>	Mô tả thực trạng kiểm soát glucose máu và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường typ II điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	- Đối tượng NC: bệnh nhân đái tháo đường typ II điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Y HP - Nghiên cứu cắt ngang - Cỡ mẫu: BN đủ tiêu chuẩn	- Mô tả thực trạng kiểm soát glucose máu ở BN đái tháo đường typ II điều trị ngoại trú tại BV ĐH Y HP - Xác định một số yếu tố liên quan đến kiểm soát glucose máu ở BN đái tháo đường typ II điều trị ngoại trú tại BV ĐH Y HP	4/2018	Khoa YTCC	Tiếng Việt
73	Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân điều trị các chất dạng thuốc phiện bằng methadone tại Hải Phòng <i>PGS.TS. Phạm Minh Khuê</i>	Mô tả thực trạng chất lượng cuộc sống của bệnh nhân điều trị các chất dạng thuốc phiện bằng methadone tại Hải Phòng	- Đối tượng NC: tất cả các bệnh nhân điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng methadone > 18 tuổi, đủ 24 tháng. Các ca bệnh sẽ là những bệnh nhân bỏ trị (không đến uống methadone 5 ngày liên tiếp), nhóm chúng sẽ là những bệnh nhân được nhận vào chương trình trong cùng thời kỳ với các ca bệnh nhưng vẫn còn trong điều trị	Đánh giá chất lượng cuộc sống của bệnh nhân tuân thủ điều trị và bệnh nhân bỏ trị	4/2018	Khoa YTCC	Tiếng Pháp



74	<p>Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị của các bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp <i>TS. Vũ Hải Vinh</i> <i>PGS. TS. Phạm Minh Khuê</i> <i>GS. Albert Sotto</i></p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị của bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp 2. Sơ bộ đánh giá các yếu tố nguy cơ của sốt xuất huyết Dengue theo định lý Bayes</p>	<p>- Đối tượng: các bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2017 - Phương pháp NC: cắt ngang mô tả</p>	<p>- Mô tả đặc điểm nhân khẩu học, dịch tễ, LS, CLS, chẩn đoán, điều trị và diễn biến sau điều trị của các bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp - Tìm hiểu các yếu tố nguy cơ có thể cũng như các đặc điểm LS, CLS có giá trị tiên lượng chẩn đoán sốt xuất huyết Dengue - Đánh giá giá trị giá trị tiên lượng chẩn đoán của các yếu tố đó tùy theo tỷ lệ mắc bệnh của sốt xuất huyết Dengue theo định lý Bayes</p>	5/2018	Khoa YTCC	Tiếng Pháp
75	<p>Thực trạng sử dụng kháng sinh không kê đơn cho trẻ dưới 5 tuổi tại một xã tại Hải Phòng năm 2017 <i>PGS.TS. Phạm Minh Khuê</i></p>	<p>Mô tả thực trạng sử dụng kháng sinh không kê đơn cho trẻ dưới 5 tuổi tại một xã tại Hải Phòng năm 2017</p>	<p>- Đối tượng: người dân tại một xã tại Hải Phòng - Thời gian: tháng 11 - 12/2017 - Địa điểm: tại một xã tại Hải Phòng (nơi sinh viên đi thực tế tại địa phương cộng đồng cuối khóa) - Phương pháp: Mô tả cắt ngang - Cỡ mẫu: 400 hộ gia đình (đại diện hộ gia đình) - Chọn mẫu: ngẫu nhiên hệ thống 400 hộ gia đình có trẻ dưới 5 tuổi</p>	<p>- Tỷ lệ sử dụng thuốc không kê đơn cho người dân tại xã - Tỷ lệ sử dụng kháng sinh không kê đơn cho trẻ dưới 5 tuổi tại xã - Một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng kháng sinh không kê đơn cho trẻ dưới 5 tuổi</p>	4/2018	Khoa YTCC	Tiếng Pháp Sinh viên: Nguyễn Ngọc Linh

76	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh sốt xuất huyết Dengue tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng năm 2017 <i>TS. Ngô Anh Thế</i> <i>ThS. Nguyễn Thị Phương</i></p>	<p>1. Tìm hiểu đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng bệnh sốt xuất huyết Dengue 2. Tìm hiểu đặc điểm cận lâm sàng bệnh sốt xuất huyết Dengue</p>	<p>- Đối tượng: Bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue được điều trị tại khoa Bệnh nhiệt đới Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng năm 2017 - Phương pháp NC: mô tả cắt ngang</p>	<p>- Tìm hiểu đặc điểm LS, CLS và kết quả điều trị bệnh sốt xuất huyết Dengue thông qua các chỉ số nghiên cứu: sốt, tình trạng xuất huyết, đại tiện phân lỏng, đau bụng, các dấu hiệu cảnh báo, tình trạng sốc, sự thay đổi các chỉ số xét nghiệm công thức máu, đông máu... - Tìm hiểu kết quả điều trị: diễn biến bệnh, di chứng, tỷ lệ tử vong</p>	2/2018	BM Truyền nhiễm	Sinh viên: Đỗ Thị Thom
77	<p>Đánh giá kết quả điều trị thuốc kháng vi rút tại phòng khám ngoại trú Bệnh Viện Việt Tiệp Hải Phòng <i>ThS. Phạm Thị Vân Anh</i> <i>TS. Ngô Anh Thế</i></p>	<p>1. Đánh giá đáp ứng với điều trị thuốc ARV về lâm sàng, miễn dịch và vi rút. 2. Xác định tỷ lệ thất bại điều trị với các thuốc kháng vi rút HIV</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân nhiễm HIV đang điều trị thuốc kháng vi rút (ARV) tại phòng khám ngoại trú BV Việt Tiệp - Phương pháp NC: mô tả cắt ngang.</p>	<p>Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu: tuổi, giới, đồng nhiễm HBV, HCV, tỷ lệ điều trị phác đồ ARV bậc 1, tỷ lệ điều trị phác đồ ARV bậc 2...</p>	tháng 5/2018	BM Truyền nhiễm	Tiếng Việt
78	<p>Đánh giá kết quả điều trị của phác đồ Tenofovir/Lamivudin/ Efavirenz trên bệnh nhân nhiễm HIV tại phòng khám ngoại trú Bệnh Viện Việt Tiệp Hải Phòng <i>ThS. Phạm Thị Vân Anh</i> <i>TS. Ngô Anh Thế</i></p>	<p>1. Đánh giá đáp ứng điều trị với phác đồ TDF/3TC/EFV về lâm sàng, miễn dịch và vi rút. 2. Xác định tỷ lệ các tác dụng phụ và tỷ lệ thất bại điều trị với phác đồ này</p>	<p>- Đối tượng NC: Bệnh nhân nhiễm HIV đang điều trị thuốc kháng vi rút (ARV) phác đồ TDF/3TC/EFV tại phòng khám ngoại trú BV Việt Tiệp - Phương pháp NC: mô tả cắt ngang</p>	<p>Đặc điểm của đối tượng NC: tuổi, giới, đồng nhiễm HBV, HCV... Kết quả đáp ứng điều trị: tỷ lệ các giai đoạn lâm sàng 1,2,3,4 theo phân độ của Tổ Chức Y Tế Thế Giới trước và sau điều trị thuốc kháng vi rút HIV</p>	5/2028	BM Truyền nhiễm	Tiếng Việt



79	Đánh giá kết quả điều trị bằng thuốc kháng virus ở bệnh nhân viêm gan virus B mạn tính tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng <i>TS.BS. Ngô Anh Thế</i> <i>ThS.BS. Hoàng Thị Thía</i>	1. Đánh giá hiệu quả điều trị bằng thuốc kháng virus dựa trên đáp ứng sinh hóa và virus học 2. Đánh giá hiệu quả điều trị kháng thuốc virus dựa trên sự thay đổi mức độ xơ gan hóa	- Đối tượng NC: Bệnh nhân viêm gan virus B mạn tính được điều trị bằng kháng thuốc kháng virus tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng - Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang - Nơi triển khai: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng	Đánh giá hiệu quả điều trị kháng thuốc kháng virus thông qua các chỉ số nghiên cứu sau: - Đánh giá sự thay đổi các xét nghiệm chức năng gan - Đánh giá sự thay đổi các xét nghiệm tải lượng virus HBV sau 6 tháng, 12 tháng điều trị bằng thuốc kháng virus - Đánh giá sự thay đổi mức độ xơ hóa gan dựa trên kết quả Fibroscan sau 6 tháng, 12 tháng điều trị bằng thuốc kháng virus	2/2018	BM Truyền nhiễm	Tiếng Pháp
80	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của bệnh nhân mắc viêm gan B mạn tính theo dõi tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp <i>TS.Vũ Hải Vinh</i> <i>ThS.BS. Hoàng Thị Thía</i> <i>BS. Didier Laureillard</i>	1. Đánh giá chất lượng cuộc sống của các bệnh nhân viêm gan B mạn theo dõi tại BV Hữu nghị Việt Tiệp 2. Sơ bộ đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của bệnh nhân mắc viêm gan B mạn theo dõi tại BV	- Đối tượng NC: Bệnh nhân mắc viêm gan B mạn tính theo dõi và quản lý tại BV Hữu nghị Việt Tiệp - Phương pháp NC: Cắt ngang mô tả - Nơi triển khai: BV Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng	Đánh giá về chất lượng cuộc sống của bệnh nhân viêm gan B mạn tính tại Việt Nam	5/2018	BM Truyền nhiễm	Tiếng Anh
81	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nhận xét vai trò của chụp cắt lớp vi tính ở bệnh nhân giãn phế quản <i>TS. Hoàng Đức Hạ</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng bệnh nhân giãn phế quản 2. Mô tả đặc điểm hình ảnh, nhận xét vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong bệnh nhân giãn phế quản	- Đối tượng NC: Tất cả bệnh nhân được chẩn đoán là giãn phế quản theo Hiệp hội lồng ngực Hoa Kỳ tại BV Hữu nghị Việt Tiệp từ tháng 1/1/2016 đến 30/12/2017 - Phương pháp NC: Nghiên cứu mô tả	- Mô tả các đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu - Mô tả các dấu hiệu lâm sàng của bệnh lý giãn phế quản - Mô tả các đặc điểm cận lâm sàng của bệnh lý giãn phế quản - Mô tả các đặc điểm hình ảnh của chụp cắt lớp vi tính - Đánh giá vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong giãn phế quản	5/2018	BM CDHA	Tiếng Việt

82	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nhận xét vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong đánh giá chấn thương gan <i>TS. Hoàng Đức Hạ</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của chấn thương gan 2. Vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong đánh giá chấn thương gan	- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán xác định là chấn thương gan tại BV Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng trong thời gian từ 1/1/2016 đến 30/12/2017 - Phương pháp NC: Nghiên cứu mô tả cắt ngang	- Mô tả các đặc điểm chung của các đối tượng NC: tuổi, giới, nghề nghiệp... - Mô tả các dấu hiệu lâm sàng, cơ chế chấn thương gan - Mô tả một số xét nghiệm cận lâm sàng trong đánh giá mức độ chấn thương gan - Đánh giá vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán chấn thương gan	5/2018	BM CĐHA	Tiếng Việt <i>Pháp</i>
83	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nhận xét vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán chấn thương lách <i>TS. Hoàng Đức Hạ</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của chấn thương lách 2. Nhận xét vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán chấn thương lách	- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán xác định là chấn thương lách, phù hợp với các tiêu chuẩn lựa chọn của đề tài tại BV Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng trong thời gian từ 1/1/2016 đến 30/12/2017 - Phương pháp NC: Nghiên cứu mô tả cắt ngang	- Mô tả các đặc điểm chung của đối tượng NC: tuổi, giới, nghề nghiệp... - Mô tả các dấu hiệu lâm sàng, cơ chế chấn thương lách - Mô tả một số xét nghiệm CLS trong đánh giá mức độ chấn thương lách - Đánh giá vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán chấn thương lách	5/2018	BM CĐHA	Tiếng Việt
84	Nghiên cứu tật khúc xạ tồn dư sau phẫu thuật phaco điều trị đục thể thủy tinh và so sánh hiệu quả của công thức SRK/T và Holladay trong dự tính công suất kính nội nhãn. <i>ThS. Nguyễn Văn Được</i>	Đánh giá tật khúc xạ tồn dư sau phẫu thuật phaco và so sánh hiệu quả của công thức SRK/T và Holladay trong dự tính công suất kính nội nhãn.	- Đối tượng NC: Bệnh nhân được phẫu thuật phaco điều trị đục thể thủy tinh thể tại Khoa mắt - BV Đại học Y Hải Phòng từ tháng 9-12/2017 - Phương pháp nghiên cứu: Tiến cứu	Đánh giá tật khúc xạ tồn dư tại thời điểm 1 và 3 tháng sau mổ và so sánh hiệu quả của 2 công thức SRK/T và Holladay trong dự tính công suất kính nội nhãn	5/2018	BM Mắt	Tiếng Việt



85	Kết quả lâm sàng của phẫu thuật phaco sử dụng công thức SRK/T <i>ThS. Nguyễn Thị Thu Trang</i>	Đánh giá tật khúc xạ tồn dư sau phẫu thuật phaco và so sánh hiệu quả của công thức SRK/T trong dự tính công suất kính nội nhãn	- Đối tượng NC: Bệnh nhân >50 tuổi được phẫu thuật phaco điều trị đục thể thủy tinh tại Khoa Mắt - BV Đại học Y Hải Phòng từ tháng 9-12/2017 - Phương pháp NC: Tiến cứu	Đánh giá tật khúc xạ tồn dư sau phẫu thuật phaco và so sánh hiệu quả của công thức SRK/T trong dự tính công suất kính nội nhãn	5/2018	BM Mắt	Tiếng Pháp
86	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân nhồi máu não hẹp động mạch nội sọ do xơ vữa mạch tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp <i>ThS. Ngô Văn Dũng</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng và 1 số xét nghiệm ở bệnh nhân nhồi máu não hẹp động mạch nội sọ do xơ vữa mạch 2. Mô tả yếu tố liên quan ở bệnh nhân nhồi máu não hẹp động mạch nội sọ do xơ vữa mạch	- Đối tượng NC: bệnh nhân nhồi máu não hẹp động mạch nội sọ do xơ vữa mạch điều trị tại khoa Thần kinh - BV Việt Tiệp - Phương pháp NC: Tiến cứu mô tả cắt ngang	Đặc điểm LS, CLS và các yếu tố liên quan đến bệnh	5/2018	BM Thần kinh	Tiếng Việt
87	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, của nhồi máu não cấp do hẹp tắc động mạch lớn nội sọ <i>ThS. Ngô Văn Dũng</i>	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng các nhồi máu não cấp do hẹp tắc động mạch lớn nội sọ 2. Mô tả đặc điểm cận lâm sàng các nhồi máu não cấp do hẹp tắc động mạch lớn nội sọ	- Đối tượng NC: tất cả bệnh nhân được chẩn đoán nhồi máu não cấp do hẹp tắc ĐM lớn nội sọ tại khoa Thần kinh - BV Việt Tiệp - Phương pháp NC: Mô tả cắt ngang	- Đặc điểm lâm sàng các nhồi máu não cấp do hẹp tắc động mạch lớn nội sọ - Đặc điểm cận lâm sàng các nhồi máu não cấp do hẹp tắc động mạch lớn nội sọ	10/2018	BM Thần kinh	Tiếng Việt
88	Nghiên cứu hiệu quả điều trị rối loạn cảm xúc có phối hợp Sodium Valproate ở bệnh nhân tâm thần phân liệt paranoid tại Khoa Cấp tính nam Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng <i>ThS. Nguyễn Quang Đại</i>	1. Mô tả được đặc điểm lâm sàng rối loạn cảm xúc ở bệnh nhân TTPL thể Paranoid 2. Đánh giá được hiệu quả điều trị rối loạn cảm xúc có phối hợp Sodium Valproate ở bệnh nhân TTPL thể Paranoid	- Đối tượng nghiên cứu: Nhóm 1: 60 bệnh nhân TTPL thể Paranoid điều trị có phối hợp Sodium Valproate Nhóm 2: 30 bệnh nhân TTPL thể Paranoid điều trị không có phối hợp Sodium Valproate làm phản chứng - Phương pháp nghiên cứu: Can thiệp tiến cứu	- Đặc điểm lâm sàng rối loạn cảm xúc ở bệnh nhân TTPL thể paranoid - Hiệu quả điều trị phối hợp Sodium Valproate - So sánh kết quả điều trị của nhóm 1 và nhóm 2	3/2018	BM Tâm thần	Tiếng Việt

Quang

89	Đánh giá kết quả điều trị hỗ trợ sau phẫu thuật ung thư đại tràng bằng phác đồ folfox 4 tại Khoa Ung bướu Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng từ 1/2017 đến 5/2018 <i>ThS. Lê Thị Huyền Sâm</i>	Đánh giá kết quả điều trị hỗ trợ sau phẫu thuật ung thư đại tràng bằng phác đồ folfox 4 tại Khoa Ung bướu BV Đại học Y Hải Phòng từ 1/2017 đến 5/2018	- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán đại tràng đã phẫu thuật được hỗ trợ bằng phác đồ folfox 4 - Phương pháp NC: Mô tả hồi cứu kết hợp tiến cứu	Đánh giá kết quả điều trị hỗ trợ sau phẫu thuật ung thư đại tràng bằng phác đồ folfox 4 tại Khoa Ung bướu BV Đại học Y Dược Hải Phòng từ 1/2017 đến 5/2018	5/2018	BM Ung bướu	Tiếng Việt
90	Đánh giá kết quả điều trị u lympho non hodgkin bằng hóa chất phác đồ CHOP tại Trung tâm Ung bướu - Bệnh viện Việt Tiệp HP <i>PGS.TS. Nguyễn Lam Hòa</i>	1. Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng bệnh u lympho non hodgkin 2. Đánh giá kết quả điều trị của phác đồ	- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán u lympho non hodgkin được điều trị phác đồ CHOP đủ 6-8 chu kỳ tại TTUB BV Việt Tiệp HP - Phương pháp NC: Mô tả hồi cứu	- Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng bệnh u lympho non hodgkin - Đánh giá kết quả điều trị của phác đồ	5/2018	BM Ung bướu	Tiếng Việt
91	Đánh giá kết quả điều trị hóa-xạ trị phối hợp trong ung thư phổi không tế bào nhỏ tại Trung tâm Ung bướu - Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng <i>PGS.TS. Nguyễn Lam Hòa</i> <i>BS. Nguyễn Hồng Hà</i>	1. Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân u phổi không tế bào nhỏ 2. Đánh giá kết quả điều trị hóa-xạ trị trong u phổi	- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán u phổi không tế bào được điều trị hóa-xạ trị phối hợp tại Trung tâm ung bướu - BV Việt Tiệp HP - Phương pháp NC: mô tả hồi cứu	- Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân u phổi không tế bào nhỏ - Đánh giá kết quả điều trị hóa-xạ trị trong u phổi	5/2018	BM Ung bướu	Tiếng Việt
92	Sàng lọc bệnh nhân nội trú có lạm dụng rượu tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng <i>ThS. Nguyễn Thị Mai Loan</i> <i>ThS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu</i>	1. Mô tả thực trạng sử dụng rượu của bệnh nhân nội trú 2. Nhận xét hiệu quả sàng lọc của bộ công cụ AUDIT	- Đối tượng NC: Bệnh nhân vào viện điều trị nội trú tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng - Phương pháp NC: cắt ngang mô tả	- Mô tả thực trạng lạm dụng rượu của bệnh nhân nội trú - So sánh tình trạng tăng men gan ở bệnh nhân các nhóm bệnh nhân có mức độ sử dụng rượu khác nhau - So sánh việc sàng lọc sử dụng rượu bằng công cụ AUDIT và hỏi bệnh truyền thống của các bác sĩ	6/2018	Khoa Dược	Tiếng Việt

93	Tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em mắc bệnh hội chứng thận hư tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng PGS.TS. Thái Lan Anh ThS. Nguyễn Bùi Bình	Khảo sát tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em mắc bệnh hội chứng thận hư tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	- Đối tượng NC: Trẻ em dưới 16 tuổi được chẩn đoán là hội chứng thận hư có thông tin nghiên cứu trong hồ sơ bệnh án > 80% - Phương pháp NC: Hồi cứu bệnh án, tiền cứu bệnh nhân từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 5 năm 2018	- Đánh giá cân nặng - Đánh giá và so sánh các chỉ số huyết học, tỷ lệ thiếu máu ở các thể hội chứng thận hư có hay không có nhiễm khuẩn đi kèm. - Đánh giá và so sánh các chỉ số sinh hóa: ure, creatinin, albumin, protid, lipid máu..... ở các thể hội chứng thận hư có hay không có nhiễm khuẩn đi kèm	6/2018	Khoa Điều dưỡng	Tiếng Việt
94	Nghiên cứu chất lượng cuộc sống người cao tuổi tại xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo Hải Phòng năm 2017 PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	1. Mô tả thực trạng chất lượng cuộc sống người cao tuổi xã Tam Đa huyện Vĩnh Bảo Hải Phòng năm 2017 2. Nhận xét một số yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống của người cao tuổi tại địa bàn nghiên cứu	- Đối tượng NC: người cao tuổi xã Tam Đa (trong hội người cao tuổi) - Phương pháp NC: hội viên trong danh sách người cao tuổi	- Mô tả chất lượng cuộc sống người cao tuổi đánh giá theo thang điểm của Tổ chức Y tế thế giới - Phân tích tình trạng mắc một số bệnh mạn tính - Nhận xét các yếu tố liên quan: nghề nghiệp, kinh tế, hoàn cảnh sống đến chất lượng cuộc sống của người cao tuổi	5/2018	Khoa Dược	Tiếng Việt

Hải Phòng, ngày 02 tháng 11 năm 2017

Phòng Quản lý Khoa học

Người lập danh sách

SANG

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng

Nguyễn Thị Phương Thúy

**DANH SÁCH BỔ SUNG ĐỀ TÀI ĐĂNG KÝ HƯỚNG DẪN
SINH VIÊN NĂM CUỐI LÀM KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2017 - 2018**

Đối tượng: Bác sĩ đa khoa

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Mục tiêu	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Dự kiến TG hoàn thành	Đơn vị	Ghi chú
1	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi hoàn toàn ngoài phúc mạc điều trị thoát vị bẹn tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp từ tháng 1/2015 - 12 năm 2017. <i>ThS. Phạm Văn Thương</i>	1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân được phẫu thuật nội soi hoàn toàn ngoài phúc mạc điều trị thoát vị bẹn tại BV Hữu nghị Việt Tiếp 2. Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi hoàn toàn ngoài phúc mạc điều trị thoát vị bẹn	- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán thoát vị bẹn và được điều trị bằng phẫu thuật nội soi hoàn toàn ngoài phúc mạc tại BV Hữu nghị Việt Tiếp từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2017 - Phương pháp NC: Mô tả hồi cứu kết hợp tiến cứu	- Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân được phẫu thuật nội soi hoàn toàn ngoài phúc mạc điều trị thoát vị bẹn tại BV Hữu nghị Việt Tiếp từ tháng 1/2015 – 12/2017 - Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi hoàn toàn ngoài phúc mạc điều trị thoát vị bẹn tại BV Hữu nghị Việt Tiếp từ tháng 1/2015 – 12/2017	5/2018	BM Ngoại	Tiếng Việt
2	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị viêm phúc mạc ruột thừa tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2017 <i>ThS. Phạm Văn Thương</i>	1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân được phẫu thuật nội soi điều trị viêm phúc mạc ruột thừa tại BV Hữu nghị Việt Tiếp 2. Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị viêm phúc mạc ruột thừa	- Đối tượng NC: Bệnh nhân được chẩn đoán viêm phúc mạc ruột thừa và được điều trị bằng phẫu thuật nội soi tại BV Hữu nghị Việt Tiếp từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2017 - Phương pháp NC: Mô tả hồi cứu kết hợp tiến cứu	- Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân được phẫu thuật nội soi điều trị viêm phúc mạc ruột thừa tại BV Hữu nghị Việt Tiếp từ tháng 1/2017 đến tháng 12/2017 - Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị viêm phúc mạc ruột thừa tại BV Hữu nghị Việt Tiếp từ tháng 1/2017-12/2017	5/2018	BM Ngoại	Tiếng Việt

Hải Phòng, ngày 13 tháng 11 năm 2017

Người lập danh sách

Phó Hiệu Trưởng



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Văn Hùng


Đông Thị Phương Thúy